



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 36/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh
từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực**

Kính gửi:

- Đoàn giám sát Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 688/KH-ĐGS ngày 23/01/2025 của Đoàn giám sát của Quốc hội, Văn bản số 1167/BTNMT-MT ngày 21/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn bản số 01/QĐ-ĐDBQH ngày 27/02/2025 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; qua rà soát các nội dung liên quan, UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực như sau:

PHẦN I

**DÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH, HOÀN THIỆN CHÍNH
SÁCH, PHÁP LUẬT THỰC HIỆN LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

I. Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường (BVMT)

1. Việc xây dựng, ban hành hoặc trình HĐND cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT (các văn bản ban hành để quy định chi tiết Luật BVMT; các văn bản ban hành theo thẩm quyền):

Để triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Danh mục xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các Luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 (trong đó có Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 và ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 22/06/2021 triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Đến nay, HĐND dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

- Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021;
- Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định 91/2024/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023.

- Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải;

- Quyết định số 94/2024/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về BVMT tại KKT Nhơn Hội và các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định;

2. Các văn bản, chính sách pháp luật triển khai Luật BVMT năm 2020 chưa được ban hành thuộc trách nhiệm của chính quyền địa phương theo quy định của Luật BVMT năm 2020:

- Điểm c khoản 5 Điều 51: Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

- Điểm b, c khoản 6 Điều 52: Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp.

- Khoản 6 Điều 53: Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng (đối tượng cụ thể quy định tại Khoản 2 Điều 53) đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.

- Điểm c khoản 2 Điều 58: Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn.

- Khoản 6 Điều 65: Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển

-Khoản 7 Điều 72: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Khoản 2 Điều 75: Chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

- Điểm b, c và d khoản 5 Điều 86: Khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải (điểm b khoản 5 Điều 86); Lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành (điểm c khoản 5 Điều 86); Lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung (điểm d khoản 5 Điều 86).

3. Việc tổ chức rà soát, sửa đổi văn bản pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công:

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để phù hợp thực tế và chặt chẽ, đầy đủ về mặt pháp lý.

4. Việc ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT:

Tỉnh Bình Định chưa ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, định mức kinh tế - kỹ thuật về BVMT mà áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan trung ương ban hành vì các định mức này phù hợp với địa phương.

5. Việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án để triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia:

Nhằm triển khai đồng bộ Luật BVMT năm 2020, Chiến lược BVMT quốc gia, Quy hoạch BVMT quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành một số kế hoạch, chương trình như sau:

- Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 08/11/2023 về bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 28/03/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 ban hành Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 Kế hoạch Truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 Kế hoạch tổ chức thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 1878/UBND-QĐ ngày 29/5/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

II. Đánh giá công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Đánh giá kết quả các văn bản đã ban hành

Về cơ bản, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tỉnh được thực hiện khá đồng bộ, kịp thời, thống nhất với hệ thống pháp luật, có tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn. Đồng thời, tỉnh Bình Định đã ban hành nhiều chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về BVMT để cụ thể hóa việc triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường vào thực tiễn địa phương, đem lại nhiều kết quả tích cực.

2. Tồn tại, hạn chế

Đến nay, vẫn còn một số nội dung theo quy định thuộc thẩm quyền ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của địa phương nhưng chưa được ban hành.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nhiều nội dung quy định mới và phạm vi điều chỉnh khá rộng; trong Luật quy định khá nhiều nội dung giao cho địa phương ban hành các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nên trong thời gian ngắn tỉnh chưa ban hành đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, có một số nội dung giao địa phương triển khai nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý và kỹ thuật, cụ thể như:

- Các cơ quan trung ương chưa ban hành đầy đủ, đồng bộ các quy định về khoảng cách an toàn môi trường đối với tất cả các lĩnh vực nên địa phương chưa có cơ sở ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường (theo Khoản 6 Điều 53);

- Chính phủ chưa ban hành quy hoạch vùng đồ thải, nhận chìm toàn quốc nên địa phương gặp khó khăn khi thực hiện việc xây dựng quy định khu vực, địa điểm đồ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển (theo Khoản 6 Điều 65).

- Một số quy định chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn như công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ; một số quy định vừa mới được Chính phủ tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và , Bộ

Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn tại Thông tư 35/2024/TT-BTNMT, Thông tư 36/2024/TT-BTNMT hướng dẫn về quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt,... nên việc nghiên cứu, triển khai ở địa phương có độ trễ nhất định.

- Phần lớn những nội dung địa phương chưa ban hành liên quan đến các chính sách hỗ trợ, khuyến khích trong xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, nước thải của các cơ sở sản xuất, nước thải đô thị, nông thôn...), nguyên nhân một phần do chưa có các hướng dẫn của cơ quan trung ương và nguồn lực của địa phương còn hạn chế; một phần do các lĩnh vực như xử lý nước thải đô thị, nông thôn không có các đơn vị tư nhân đầu tư mà sử dụng ngân sách Nhà nước.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Việc nghiên cứu Luật Bảo vệ môi trường của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế nên chưa kịp thời tham mưu ban hành đầy đủ các quy định theo thẩm quyền được giao.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình nghiên cứu, xây dựng các quy định, chính sách còn chưa chặt chẽ nên hiệu quả tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chưa cao.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. Kết quả đạt được

1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho bảo vệ môi trường

1.1. Về bố trí và sử dụng ngân sách Nhà nước cho công tác BVMT:

Để triển khai đồng bộ công tác bảo vệ môi trường, tỉnh Bình Định đã ban hành các kế hoạch sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường, quy định liên quan đến định mức chi kinh phí sự nghiệp môi trường và các nội dung liên quan khác để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Hàng năm, căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) gửi văn bản hướng dẫn đến các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương để xây dựng nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT theo quy định; tổng hợp nội dung hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí BVMT trong các văn bản hướng dẫn xây dựng, điều hành ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường giai đoạn 2016-2021 là 223.837 triệu đồng (chiếm 0,6% dự toán tổng chi thường xuyên) và giai đoạn 2022-2024 là 336.791 triệu đồng (chiếm 1,3% dự toán tổng chi thường xuyên).

Trong điều kiện nguồn thu ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, còn nhận bổ sung từ ngân sách Trung ương nhưng các năm qua, tỉnh Bình Định đã rà soát, ưu tiên nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm để bố trí chi cho công tác BVMT trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn. So với giai đoạn 2016-2021, kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm được bố

trí ngày càng tăng (giai đoạn 2022-2024 tăng từ 0,6% lên 1,3% so với giai đoạn 2016-2021), đảm bảo lớn hơn 1,0% tổng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt 1% tổng chi ngân sách tỉnh.

Kinh phí sự nghiệp môi trường được các sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan và các địa phương sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; tập trung vào các nội dung chi như: truyền thông về môi trường, các mô hình bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải, quan trắc hiện trạng môi trường, thanh tra, kiểm tra, công tác điều tra đa dạng sinh học,... Bên cạnh đó, một nội dung chi trong lĩnh vực BVMT, nhất là những nội dung có mức chi cao hoặc có các hạng mục công trình xây dựng, lắp đặt trang thiết bị,... được tính bố trí từ nguồn đầu tư.

1.2. Về sử dụng nguồn lực từ huy động xã hội hóa cho BVMT

Thời gian qua, việc đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác BVMT luôn được tỉnh quan tâm chú trọng thực hiện thông qua việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ môi trường và bước đầu đem lại nhiều kết quả khả quan.

Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực quản lý rác thải sinh hoạt, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại được đẩy mạnh; theo đó, tại một số địa phương, đã hình thành một số đơn vị tư nhân đầu tư thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt. Tại tỉnh hiện có Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh đã đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải nguy hại công suất 400 kg/giờ tại xã Cát Nhơn, Phù Cát (Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại), hoạt động ổn định thời gian qua, góp phần xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh, nhất là chất thải nhiễm SARS-CoV-2 trong đợt dịch COVID19.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Định đã thực hiện nhiều giải pháp thu hút các nguồn vốn vay, vốn viện trợ của nước ngoài để thực hiện các dự án về BVMT. Trong đó, dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn từ nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới đã triển khai nhiều hợp phần về BVMT như nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước của thành phố Quy Nhơn, xây dựng 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nâng cấp bãi chôn lấp chất thải Long Mỹ,... Qua đó đã góp phần quan trọng cải thiện cơ bản hạ tầng BVMT của thành phố Quy Nhơn. Ngoài ra, thời gian qua, tỉnh đã tranh thủ nhiều nguồn vốn ODA và một số nguồn viện trợ không hoàn lại của UNDP, GEF, ADB,... triển khai nhiều dự án về BVMT và ứng phó biến đổi khí hậu đem lại kết quả tích cực.

Xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng BVMT tại các khu, cụm công nghiệp: Thời gian qua, tỉnh chủ trương khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, trong đó có hạ tầng BVMT. Theo đó, đến nay toàn bộ các khu công nghiệp và 19/46 cụm công nghiệp đã được thành lập do nhà đầu tư tư nhân thực hiện. Các khu công nghiệp đều xây dựng đồng bộ và vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung; 6 CCN đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, các CCN do tư nhân làm Chủ đầu tư đã và đang xây dựng hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống thu gom và xử lý nước thải) theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.

1.3. Về sử dụng công cụ kinh tế cho công tác BVMT

Số liệu thu thuế bảo vệ môi trường và phí bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2021 và giai đoạn 2022-2024 phát sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

- Thuế bảo vệ môi trường: Giai đoạn 2016-2021 là 4.408.768 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hưởng là 2.434.993 triệu đồng và ngân sách địa phương hưởng là 1.973.775 triệu đồng); giai đoạn 2022-2024 là 1.621.745 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương hưởng là 721.253 triệu đồng và ngân sách địa phương hưởng là 900.492 triệu đồng).

- Phí bảo vệ môi trường ngân sách địa phương hưởng: Giai đoạn 2016-2021 là 195.736 triệu đồng (trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải là 9.564 triệu đồng và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là 186.172 triệu đồng); giai đoạn 2022-2024 là 196.322 triệu đồng (trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải là 13.766 triệu đồng và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là 182.556 triệu đồng).

(chi tiết theo Phụ lục III)

- Đối với hoạt động tín dụng xanh, hiện nay trên địa bàn tỉnh đã bước đầu triển khai và giải ngân cho một số đơn vị có nhu cầu và đáp ứng điều kiện.

- Một số khó khăn, vướng mắc: Hiện nay phí bảo vệ môi trường đối với nước thải khá thấp so với giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; dẫn đến không công bằng giữa đơn vị nộp phí bảo vệ môi trường và đơn vị nộp giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Đối với doanh nghiệp nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, yêu cầu phải quan trắc nhiều ống thải, tốn nhiều chi phí cho doanh nghiệp.

1.4. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực cho công tác BVMT

a) Về tổ chức bộ máy:

Cấp tỉnh:

- Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về môi trường trên toàn địa bàn tỉnh.

- Phòng Quản lý tài nguyên môi trường thuộc Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với địa bàn các khu công nghiệp.

- Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu giúp Công an tỉnh thực hiện chức năng phòng chống tội phạm về môi trường.

Cấp huyện:

- Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chức năng tham mưu công tác quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương.

Tại Công an các huyện, thị xã, thành phố đều có chức năng phòng chống tội phạm về môi trường.

Cấp xã: Được giao cho công chức địa chính - môi trường thực hiện công tác quản lý tài nguyên môi trường.

b) Về nhân lực:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 148 cán bộ công chức, viên chức người lao động chuyên trách công tác quản lý môi trường, thanh tra môi trường. Lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời Luật BVMT năm 2020 đã tăng cường phân cấp phân quyền về cho địa phương, tuy nhiên, đội ngũ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã hiện nay kiêm nhiệm nhiều công việc nên chưa đáp ứng được nhiệm vụ quản lý môi trường hiện nay.

1.5. Về tổ chức và hoạt động của quỹ BVMT cấp tỉnh

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định (thành lập năm 2011) có chức năng cho vay ưu đãi, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường. Trong thời gian qua, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh đã khẳng định vị trí, vai trò của Quỹ trong các hoạt động chính như: Công tác ký quỹ đã đi vào nề nếp, được tăng cường, góp phần làm tăng khả năng thu và thu nợ tiền ký quỹ; công tác hỗ trợ tài chính thông qua hoạt động tài trợ, đồng tài trợ cũng đạt được nhiều kết quả đáng kể, việc triển khai thực hiện đảm bảo gắn kết với việc thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của UBND tỉnh (tổng kinh phí đã tài trợ từ năm 2022-2024 là: 1.215.070.000 đồng). Năm 2021 và 2023, Quỹ đã chấp thuận cho vay 02 dự án trong hoạt động thu gom rác (với giá trị 1.620.000.000 đồng).

Tuy nhiên, công tác cho vay thời gian qua gặp nhiều khó khăn, số dự án giải ngân ít, thiếu bền vững; chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Đối tượng phù hợp với danh mục cho vay theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP rất hạn chế; không đáp ứng được nguồn vốn cho vay đối với những doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn.

- Nhiều trường hợp có nhu cầu vay vốn, nhưng thiếu tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm theo quy định.

2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

a) Đánh giá nội dung BVMT trong quy hoạch tỉnh.

Trong Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 đã chú trọng tích hợp đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường, cụ thể như: phương án phân vùng môi trường, phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, phương án ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm môi trường, phương án thu gom và quản lý nước thải và chất thải rắn, phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, nhằm tăng cường lồng ghép nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, chính sách phát triển của địa phương, tỉnh Bình Định đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tính đến tác động

của biến đổi khí hậu, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, thời vụ phù hợp với hoàn cảnh biến đổi khí hậu; nghiên cứu bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

Để triển khai quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 15/11/2024; theo đó xác định cụ thể nội dung và lộ trình triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học,... Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai rà soát, xây dựng và xác định phương án về vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; phương án thành lập Khu dự trữ sinh quyển Đầm Thị Nai, rà soát, điều chỉnh Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030,...

b) Công tác giải quyết thủ tục hành chính

UBND tỉnh đã ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường (trong đó, có công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường) tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/3/2022, Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt; Ban quản lý Khu kinh tế chủ động tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ môi trường theo ủy quyền. Đối với UBND cấp huyện, đã tổ chức cấp giấy phép môi trường cấp huyện. Đối với UBND cấp xã, đã tiếp nhận các đăng ký môi trường.

- Kết quả thẩm định, phê duyệt: Từ ngày 01/01/2022 – 31/12/2024, số lượng thủ tục hành chính (TTHC) cấp tỉnh được phê duyệt là 317 Báo cáo ĐTM và 174 GPMT. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã cấp 237 Giấy phép môi trường. UBND các xã, phường, thị trấn đã tiếp nhận 1089 Đăng ký môi trường.

- Khó khăn vướng, mắc: Thời gian đầu khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực, tỉnh gặp nhiều khó khăn trong quá trình thẩm định hồ sơ môi trường do Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có một số quy định chưa rõ ràng, chưa hợp lý. Một số nội dung vướng mắc chính như: liên quan đến phân loại đối tượng lập hồ sơ môi trường; quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường là đối tượng có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý khi đi vào vận hành chính thức, trong đó phần lớn chỉ quy định giới hạn trên về quy mô, công suất (trừ đối tượng đối với chất thải nguy hại). Do vậy, trên thực tế có nhiều đối tượng cơ sở/dự án có quy mô nhỏ, lượng phát thải thấp nhưng vẫn phải thực hiện Giấy phép môi trường. Để có cơ sở triển khai, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên môi trường. Đến nay, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2025/ND-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ND-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; qua rà soát cho thấy phần lớn các nội dung vướng mắc đã được tháo gỡ.

- Đề xuất: Hiện nay, đa phần TTHC về môi trường đều xác định thời gian giải quyết theo “Ngày”, nhưng vẫn có TTHC giải quyết theo “Ngày làm việc” (thủ tục Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ). Vấn đề này dẫn đến khó khăn cho cơ quan thực thi trong quá trình theo dõi và kiểm soát thời gian giải quyết TTHC. Do vậy, kính đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, quy định thống nhất thời gian giải quyết toàn bộ các TTHC trên lĩnh vực môi trường để thuận lợi trong quá trình thực hiện.

3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm

3.1. Về kiểm soát ô nhiễm

a) Về kiểm soát ô nhiễm đối với Khu/cụm công nghiệp (KCN/CCN) và làng nghề:

- Các Khu công nghiệp:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 07 KCN đã đi vào hoạt động gồm KCN Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, KCN Becamex, KCN Nhơn Hội - Khu A, KCN Nhơn Hội - Khu B; 7/7 KCN đều đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi đi vào hoạt động (riêng KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi hoạt động); 6/7 KCN đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; cụ thể như sau:

+ Tại KKT Nhơn Hội: Tổng lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 1.756,8 m³/ngày. Trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong KCN A, B và khu vực phía Tây Nam KKT Nhơn Hội được thu gom, xử lý tại Nhà máy XLNT tập trung KCN Nhơn Hội khoảng 882,2 m³/ngày phục vụ chung cho 02 KCN Nhơn Hội (A, B) và một số dự án lân cận trong KKT với công suất 2.000m³/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT được thoát ra Đầm Thị Nại. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung do Ban Quản lý Dự án và GPMB Khu kinh tế - Đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thực hiện thì chất lượng nước thải sau xử lý trong năm 2024 luôn đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT. Đã đầu tư lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải từ năm 2017, hiện đang hoàn thiện việc nâng cấp lại Trạm và kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường trong tháng 02/2025.

+ KCN Becamex: đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000 m³/ngày đêm, với hiệu quả xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT (hiện tại thu gom và tiếp nhận nước thải phát sinh từ 01 cơ sở nằm trong KCN Becamex khoảng 14,6m³/ngày). Hệ thống đang được Chủ đầu tư KCN tổ chức vận hành thử nghiệm sau khi dự án KCN Becamex được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường và có đủ lưu lượng nguồn nước thải thu gom từ các dự án thứ cấp về. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và hiện đang vận hành thử nghiệm hệ thống để kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

+ KCN Phú Tài và Long Mỹ: đã xây dựng hoàn thành hệ thống XLNT công suất 2.000 m³/ngày đêm, đáp ứng nhu cầu xử lý toàn bộ nước thải của các dự án

thứ cấp trong 02 KCN (nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT). Tổng lượng nước thải: phát sinh khoảng 385 m³/ngày đêm. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung mà Chủ đầu tư KCN đã gửi về BQLKKT thì chất lượng nước thải sau xử lý đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT. Công trình XLNT vận hành thường xuyên, ổn định, hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định

+ KCN Nhơn Hòa: đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày đêm đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép môi trường và hoàn thành việc vận hành thử nghiệm. Tổng lượng nước thải công nghiệp khoảng 415 m³/ngày đêm. Qua kết quả quan trắc nước thải của hệ thống XLNT tập trung mà Chủ đầu tư KCN đã gửi về BQLKKT thì chất lượng nước thải sau xử lý đạt cấp độ B theo QCVN 40:2011/BTNMT. Công trình XLNT vận hành thường xuyên, ổn định, hiệu quả, chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường. Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành

+ KCN Hòa Hội: Chủ đầu tư đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m³/ngày đêm để phục vụ cho các dự án thứ cấp, với cấp độ A theo QCVN 40:2011/BTNMT, hiện đang lập thủ tục cấp GPMT và triển khai vận hành thử nghiệm. Hiện nay, KCN có 01 dự án thứ cấp đi vào hoạt động, trong thời gian chưa có hệ thống XLNT chung của KCN, dự án thứ cấp đã nâng cấp Trạm XLNT cục bộ (30m³/ngày đêm) đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT và Mức B bảng 3 QCVN 08:2023/BTNMT để sử dụng tưới cây xanh trong mặt bằng dự án, với tổng lượng nước thải công nghiệp khoảng 30m³/ngày đêm.

Ngoài ra, Các Chủ đầu tư các dự án thứ cấp đang hoạt động tại các khu vực khác (các khu đô thị, du lịch, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngoài KCN) đều đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống XLNT theo quy hoạch và môi trường đã được cơ quan chức năng phê duyệt, đảm bảo việc xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra môi trường. Riêng các dự án du lịch ven biển, nước thải được xử lý đạt quy chuẩn phù hợp với mục đích tưới cây xanh và được chủ dự án tái sử dụng để tưới cây để tiết kiệm nguồn nước cấp, không thải ra biển.

- Các cụm công nghiệp:

Đến nay, toàn tỉnh có 37 CCN đã đi vào hoạt động, trong đó có 6 CCN đã xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu BVMT (trong đó có 2 CCN xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý tập trung trong giai đoạn 2022 - 2024); các CCN đều chưa lắp đặt hệ thống quan trắc tự động. Nhằm tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các CCN, ngoài việc triển khai kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN thực hiện đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, thời gian qua tỉnh đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn và giao chỉ tiêu phát triển (trong đó có một số chỉ tiêu về bảo vệ môi

trường), trong đó có Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó yêu cầu các CCN hoàn thành hồ sơ môi trường và hạ tầng BVMT. Đối với các cơ sở đầu tư thứ cấp trong CCN, các Nhà máy tự xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường do hầu hết các CCN chưa đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.

- Các làng nghề:

Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 38 làng nghề đang hoạt động chủ yếu các ngành nghề như: gốm, sứ, đan lát, chế biến thực phẩm. Qua thống kê, lượng nước thải phát sinh chủ yếu tại các làng nghề chế biến thực phẩm nhưng thường được các hộ làm nghề tái sử dụng phục vụ chăn nuôi. Riêng làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung với công suất 120m³/ngày.đêm từ nguồn vốn Chương trình Tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Quá trình hoạt động của các hộ làm nghề tại các làng nghề đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; các làng nghề đều có phương án bảo vệ môi trường làng nghề và đều thành lập các tổ tự quản về bảo vệ môi trường theo quy định. Công tác thu gom và xử lý rác thải, nước thải đảm bảo, không có tình trạng xả thải bừa bãi, gây ảnh hưởng môi trường và không có phản ánh khiếu kiện của người dân về tình trạng ô nhiễm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ làm nghề trong làng nghề.

b) Về kiểm soát ô nhiễm đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) cao.

Tính đến ngày 31/12/2024, trên địa bàn tỉnh Bình Định không còn cơ sở thuộc đối tượng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải xử lý. Đối chiếu Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, tỉnh Bình Định có các cơ sở hoạt động sản xuất thuộc loại hình, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường bao gồm: chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, sản xuất bia, nước giải khát có gas, sản xuất sản phẩm có công đoạn mại (chi tiết tại Phụ lục 8 kèm theo). Để kiểm soát công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc loại hình nguy cơ ô nhiễm, định kỳ hằng năm, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt. Qua kiểm tra đã xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm. Căn cứ kết quả kiểm tra, UBND tỉnh đã có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chấn chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh công tác kiểm tra định kỳ theo kế hoạch, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, vận hành đường dây nóng về BVMT để tiếp nhận và giải quyết phản ánh của công dân về tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT, xả thải gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, sau khi tiếp nhận thông tin từ các cơ quan báo chí, kiến nghị cử tri về vấn đề ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành phân loại vụ việc để xử lý hoặc chuyển giao cho các cơ quan liên quan và các địa phương kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

3.2. Về kiểm soát chất lượng môi trường

a) Kiểm soát chất lượng môi trường nước

Trên địa bàn tỉnh có 4 sông lớn (sông Kôn, sông Hà Thanh, sông Lại Giang, sông La Tinh), trong đó chỉ có lưu vực sông La Tinh là sông nội tỉnh. Trong các năm 2022-2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ Đánh giá sức chịu tải các sông, đầm trên địa bàn tỉnh. Theo đó, ngày 31/12/2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4565/QĐ-UBND về phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của lưu vực sông La Tinh và các đầm trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh tập trung cho việc xây dựng phân vùng môi trường của tỉnh, do đó sau khi thực hiện phân vùng môi trường xong sẽ tiến hành xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt.

Qua theo dõi chất lượng môi trường nước mặt tại 04 con sông lớn trên địa bàn tỉnh (Sông Kôn, Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang) thông qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ (02 đợt/năm) và tại 02 trạm quan trắc tự động liên tục trên sông Kôn và Hà Thanh cho thấy chỉ số WQI về chất lượng nước mặt đều ở mức tốt. Tuy nhiên, một số vị trí trên sông Hà Thanh, nhất là nơi tiếp nhận nguồn thải từ khu dân cư tập trung, chỉ số QWI có sự dao động tương đối lớn theo mùa và có một số thời điểm không đạt quy chuẩn..

Nhằm khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước mặt, tỉnh tiếp tục duy trì việc vận hành các Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, các hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN, CCN, các bãi chôn lấp hợp vệ sinh, các cơ sở sản xuất có lưu lượng thải lớn, đồng thời thực hiện đóng cửa các bãi rác tạm, tăng cường yêu cầu các CCN, các cơ sở sản xuất chưa có hệ thống xử nước thải khẩn trương xây dựng hệ thống xử lý.

b) Kiểm soát chất lượng môi trường không khí

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2023.

Qua theo dõi, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh ở mức tốt, các chỉ tiêu quan quan trắc về chất lượng môi trường không khí xung quanh trên địa bàn tỉnh hầu hết đều đạt quy chuẩn QCVN 05-2023/BTNMT. Tuy nhiên, trong một số thời điểm, tại một số nút giao thông chỉ tiêu PM10 và PM2.5 vượt so với quy chuẩn (chỉ tiêu PM10 vượt 30 ngày tại Trạm quan trắc không khí tự động, liên tục tại huyện Tuy Phước và 12 ngày tại Trạm Không khí tại Thị xã Hoài Nhơn; chỉ tiêu PM2.5 vượt 04 ngày tại Trạm quan trắc không khí tự động, liên tục tại huyện Tuy Phước).

Về khó khăn, vướng mắc: Công tác quan trắc môi trường đòi hỏi chi phí lớn trong đầu tư trang thiết bị cũng như trong quá trình vận hành các trạm quan trắc. Do đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 03 trạm quan trắc môi không khí tự động (01 trạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 02 trạm do tỉnh đầu tư) nên chưa đủ chuỗi số liệu quan trắc để đánh giá toàn diện chất lượng môi trường không khí của tỉnh.

4. Về công tác quản lý chất thải

4.1. Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Phân tích, làm rõ trách nhiệm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của địa phương (UBND cấp tỉnh) theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Nhằm triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, ngay sau khi Luật Bảo vệ môi trường được ban hành, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND phân công trách nhiệm triển khai quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả thực hiện trách nhiệm của địa phương (UBND cấp tỉnh) về quản lý CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Nhằm triển khai một cách đồng bộ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường liên quan đến CTRSH, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật BVMT trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 08/11/2023 về BVMT tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch Truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023-2025, Kế hoạch tổ chức thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh¹.

c) Kết quả thực hiện quy hoạch đối với việc xây dựng các nhà máy xử lý rác trên địa bàn

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTG ngày 14/12/2022, tỉnh Bình Định đã bố trí quỹ đất cho các Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, UBND tỉnh Bình Định đã bố trí kinh phí đầu tư cho 07 dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương (gồm các huyện An Lão, Tây Sơn, Vân Canh, Phù Cát, Phù Mỹ, Vĩnh Thạnh và thị xã Hoài Nhơn).

Ngoài ra, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 tổ chức thực hiện việc phân loại rác tại nguồn. Nội dung Kế hoạch quy định cụ thể trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các hội đoàn thể và các địa phương trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

Trong công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt, tỉnh Bình Định ưu tiên áp dụng các công nghệ hiện đại để xử lý CTRSH như đốt rác phát điện, đốt tiêu hủy, tái sử dụng làm phân bón,... đồng thời, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tham gia lĩnh vực thu gom, xử lý CTRSH. Đến nay, UBND tỉnh Bình Định đã có Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Long Mỹ sử dụng công nghệ đốt rác phát điện với công suất xử lý 500 tấn/ngày và đang thực hiện thu

¹ Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023.

tục kêu gọi nhà đầu tư triển khai dự án xử lý rác thải khu vực phía Bắc tỉnh tại thị xã Hoài Nhơn với công nghệ hỗn hợp đốt tiêu hủy hoặc sản xuất phân bón, tái chế nhựa, công suất xử lý dự kiến 250 tấn/ngày.

d) Đầu tư nguồn lực (nhân lực, kinh phí) cho công tác quản lý CTRSH; hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại và việc đáp ứng so với nhu cầu của thực tiễn.

Về đầu tư nguồn lực, trong thời gian qua, ngân sách bố trí cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến và tăng dần theo từng năm (năm 2022 bố trí 67,07 tỷ đồng; năm 2023 là 157 tỷ đồng, năm 2024 và năm 2025 lần lượt là 190,8 và 194,6 tỷ đồng) để tăng cường năng lực cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các địa phương. Ngoài ra, công tác xã hội hóa đối với hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH cũng được tỉnh quan tâm thực hiện. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp tư nhân và 25 cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH, cụ thể như: Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị Thiên Hương (huyện Vân Canh), Công ty TNHH MT Cát Tiến (huyện Phù Cát), Công ty TNHH TH Gia Thịnh (huyện Phù Cát), Công ty TNHH XD TM TH Thuận Hưng (Thị xã Hoài Nhơn).

Về hạ tầng kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH: Năm 2023, toàn tỉnh có 71 xe ép rác chuyên dụng, tăng 26 xe so với năm 2022 (trong đó: 15 xe của các đơn vị sự nghiệp công ích do tỉnh phân bổ kinh phí bổ sung mục tiêu và 11 xe do doanh nghiệp, tổ chức tự trang bị); 43 xe tải các loại và 679 xe đẩy tay. Năm 2024, UBND tỉnh bố trí kinh phí để mua 16 xe ép rác chuyên dụng. Năm 2025, UBND tỉnh đã phân bổ kinh phí để trang bị thêm 11 xe ép rác chuyên dụng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng tần suất và mở rộng địa bàn thu gom tại các địa phương.

d) Thực trạng công tác phân loại CTRSH tại hộ gia đình, cá nhân; đánh giá việc thực hiện phân loại CTRSH theo quy định của Luật BVMT năm 2020.

Việc tổ chức tuyên truyền hướng dẫn công tác phân loại chất thải đã được triển khai sâu rộng, đa dạng về hình thức nhưng chưa thực sự đồng bộ với công tác triển khai thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sau phân loại nên chưa tạo được sự quan tâm của người dân trong việc tự phân loại CTRSH phát sinh từ hộ gia đình (người dân vẫn còn tâm lý phân loại tại hộ gia đình nhưng sau đó rác lại được tập kết chung vào các thiết bị và vận chuyển về bãi rác).

e) Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý CTRSH khu vực đô thị, khu vực nông thôn từ sau khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Việc kiểm soát ô nhiễm đối với các khu tập kết, trung chuyển và xử lý rác thải (các bãi rác) của địa phương.

* Hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực).

Trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, ngành Xây dựng được giao quản lý CTRSH đô thị, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác quản lý CTRSH nông thôn (Căn cứ theo Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý chất

thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định). Công tác quản lý CTRSH được UBND tỉnh quan tâm triển khai thực hiện nhưng chưa đồng bộ, nhất là ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ thu gom CTRSH đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2021 đạt 81% và không có số liệu cụ thể về tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH tại khu vực nông thôn. Tỷ lệ CTRSH được xử lý đảm bảo yêu cầu chỉ đạt 49,22%.

Công tác xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH chưa được quan tâm đầy mạnh, nhất là thu hút các nhà đầu tư xử lý CTRSH. Hạ tầng trang thiết bị, phương tiện phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH còn thiếu (chủ yếu là xe công nông, xe chiến thắng,... chỉ có 45 xe ép rác chuyên dụng) và không đồng bộ nên hiệu quả triển khai không cao, đầu tư cho hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt còn hạn chế.

Trên địa bàn cả tỉnh có 05 bãi chôn lấp hợp vệ sinh (trong đó chỉ có 01 bãi chôn lấp chất thải rắn của huyện Phù Cát sử dụng ngân sách nhà nước, 04 bãi chôn lấp chất thải rắn được đầu tư từ hỗ trợ, vay vốn nước ngoài. Phần lớn các xã không được hỗ trợ chi cho công tác thu gom rác. Do đó, các đơn vị thu gom chỉ thu gom 1- 2 lần/tuần bằng nguồn thu phí của người dân).

* Đánh giá tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành:

Tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH đô thị trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Bình Định có những chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực. Cụ thể, năm 2022 tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 82,59% (tăng 1,59% so với năm 2021 và 34,49% so với năm 2020; đạt Nghị quyết của HĐND tỉnh giao 81%), đến năm 2023, tỷ lệ này đạt 86,04% (tăng 3,45% so với năm 2022 và đạt Nghị quyết của HĐND tỉnh giao 85%), năm 2024 đạt 93,72% (tăng 7,68% so với năm 2023 và đạt Nghị quyết HĐND tỉnh giao 90% - 95%).

g) Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH (chôn lấp, đốt, sản xuất mùn, công nghệ khác); kết quả thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về quản lý CTRSH trên phạm vi toàn quốc.

* Hiện trạng áp dụng công nghệ xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Bình Định:

Thời gian qua, CTRSH trên địa bàn tỉnh Bình Định chủ yếu được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Toàn tỉnh hiện có 06 bãi chôn lấp CTRSH cấp huyện đảm bảo hợp vệ sinh (Các bãi chôn lấp thuộc TP. Quy Nhơn, các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Vân Canh và thị xã Hoài Nhơn). Hiện nay còn 02 huyện Vĩnh Thạnh và huyện Hoài Ân chưa có bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Đối với một số bãi chôn lấp hợp vệ sinh cấp huyện tuy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhưng hoạt động không thường xuyên và ổn định (tại các huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ). Bên cạnh các bãi chôn lấp CTRSH, trên địa bàn tỉnh đã đầu tư 02 Lò đốt CTRSH đặt tại xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn (công suất 300 kg/h) và tại xã An Hòa, huyện An Lão (1.000 kg/h).

* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về quản lý CTRSH trên phạm vi toàn quốc

Theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050: mục tiêu đến 2025 sử dụng phương pháp chôn lấp trực tiếp cho tối đa 30% CTR sinh hoạt đô thị và 50% CTR sinh hoạt nông thôn được thu gom. Để thực hiện được mục tiêu này, tỉnh Bình Định chủ trương lựa chọn và thu hút các nhà đầu tư triển khai dự án xử lý chất thải sinh hoạt với công nghệ tiên tiến hiện đại, tận dụng tối đa nguồn tài nguyên rác, hạn chế công nghệ chôn lấp (đốt rác phát điện, đốt tiêu hủy, xử lý hỗn hợp,...)

h) Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý CTRSH; hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

* Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 về truyền thông môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025, trong đó, đề ra trách nhiệm thực hiện cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội tỉnh nhằm đạt được mục tiêu trong giai đoạn 2023 - 2025.

Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức biên soạn, phát hành nhiều sổ tay, tờ rơi, bộ tài liệu hỏi đáp về tuyên truyền, hướng dẫn công tác BVMT. Năm 2023, biên soạn các tài liệu Sổ tay Giới thiệu Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Sổ tay Hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, Tài liệu truyền thông về bảo vệ môi trường trên hệ thống loa cấp xã; Tài liệu hỏi đáp về quản lý môi trường cho cán bộ cấp xã. Phối hợp các hội đoàn thể tập huấn, tuyên truyền, nâng cao năng lực cho hội viên các đoàn thể,...

* Về hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý CTRSH nói chung, chấp hành pháp luật về BVMT của các đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH:

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, hàng năm UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2023, thực hiện Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra 19 cơ sở trên địa bàn tỉnh, trong đó có 01 đơn vị quản lý vận hành bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt huyện Phù Cát.

i) Phân tích, làm rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý CTRSH

- Về phân loại rác tại nguồn: Theo quy định của Luật BVMT về phân loại CTRSH sẽ phân làm tối thiểu 3 loại (Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; CTRSH khác). Tuy nhiên, tỉnh Bình Định đang đầu tư và kêu gọi đầu tư các nhà máy xử lý CTRSH với công nghệ đốt rác hoặc đốt rác phát điện (có thể đốt được rác chưa phân loại). Trường hợp phân loại triệt để và tăng cường tái sử dụng chất thải thực phẩm làm phân bón thì sẽ khó khăn trong việc kêu gọi

dầu tư các nhà máy đốt rác, đốt rác phát điện; nhưng nếu không thực hiện phân loại sẽ không đảm bảo theo quy định.

- Về hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại: tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định còn thiếu và chưa đồng bộ giữa các khâu (thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải sau phân loại); nhất là hạ tầng thu gom, xử lý chất thải thực phẩm (chủ yếu vẫn áp dụng theo hình thức ủ chất thải thực phẩm bằng vi sinh tại mỗi hộ hoặc theo cụm từ 5 đến 100 hộ tham gia nên manh mún; chưa có xe chuyên dụng để vận chuyển thải thực phẩm sau phân loại).

- Việc tổ chức triển khai các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn: chủ yếu vẫn là tại các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới với hình thức thí điểm theo cụm từ 5 - 10 hộ/cụm hoặc phân tán và gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì, mở rộng mô hình. Theo đó, nhiệm vụ này chưa đáp ứng theo yêu cầu tại Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh.

- Tại thành phố Quy Nhơn có xưởng chế biến phân hữu cơ (được đầu tư nguồn ODA của Vương Quốc Bỉ với công suất 250 tấn/ngày) tại Khu xử lý CTR Long Mỹ đi vào hoạt động từ năm 2008; tuy nhiên, do dây chuyền chỉ phù hợp rác đã phân loại, trong khi đó, rác thải của Quy Nhơn chưa được phân loại tại nguồn nên đầu ra khó khăn). Hiện nay, Nhà máy hoạt động cầm chừng với công suất khoảng 05 tấn/ngày với nguồn nguyên liệu chính là chất thải thực phẩm, hữu cơ dễ phân hủy, tiếp nhận chủ yếu từ các xã phấn đấu về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn. Đối với các địa phương còn lại, chưa có hạ tầng xử lý chất thải thực phẩm tập trung, trong khi đó khu vực đô thị có diện tích đất hạn hẹp, nhà ở liên kề, không có vườn nên khó tìm vị trí để thực hiện ủ chất thải thực phẩm sau phân loại cũng như tìm người thực hiện thu gom chất thải thực phẩm.

- Việc tổ chức tuyên truyền hướng dẫn công tác phân loại chất thải đã thực hiện sâu rộng, đa dạng về hình thức nhưng chưa thực sự đồng bộ với công tác triển khai; một số người dân chưa hình thành thói quen phân loại CTRSH tại nguồn.

* Nguyên nhân các tồn tại, khó khăn:

- Các địa phương đã ban hành kế hoạch phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH nhưng chưa thực sự quyết liệt trong công tác triển khai; chưa thường xuyên rà soát, đánh giá để điều chỉnh, triển khai phương án/kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý chưa đáp ứng với các loại nhóm chất thải được phân loại, chưa hình thành mạng lưới thu gom, xử lý đối chất thải thực phẩm, chủ yếu vẫn do cá nhân tự thu gom, xử lý. Đối với Khu xử lý CTR Long Mỹ đã có Xưởng chế biến phân hữu cơ nhưng địa phương không tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt cho toàn thành phố.

- Sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và các hội đoàn thể trong thiết lập các mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa thường xuyên, đặc biệt công tác phối hợp thực hiện trong công tác tuyên truyền về phân loại rác thải chưa được phát huy tối đa và toàn diện.

- Việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa gặp khó khăn vì hiện nay nhiều loại chất thải nhựa hầu như không được thu gom, tái chế do không có nhu cầu của thị trường và không có đơn vị tái chế. Việc tái chế rác thải hữu cơ có thể thực hiện được nhưng phân compost không hiệu quả về kinh tế.

4.2. Về quản lý nước thải đô thị

Toàn tỉnh có 20 đô thị gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Quy Nhơn); 01 đô thị loại III (thị xã An Nhơn); 02 đô thị loại IV (thị xã Hoài Nhơn, thị trấn Phú Phong) và 16 đô thị loại V (thị trấn Vĩnh Thạnh, thị trấn Vân Canh, thị trấn An Lão, thị trấn Tăng Bạt Hổ, thị trấn Phù Mỹ, thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, thị trấn Bình Dương, thị trấn Ngô Mỹ, thị trấn Cát Tiến; xã Tây Giang, xã Mỹ Chánh, xã Phước Lộc, xã Phước Hòa, xã An Hòa, thị trấn Cát Khánh).

Thời gian qua, Bình Định đã tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên hạ tầng thu gom, xử lý nước thải các đô thị còn hạn chế. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chỉ có thành phố Quy Nhơn đã được đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất là 30.350 m³/ngày.đêm (Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình có công suất là 28.000 m³/ngày.đêm và Nhà máy xử lý nước thải 2A có công suất là 2.350 m³/ngày.đêm), chiếm 28% lượng nước thải đô thị toàn tỉnh phát sinh.

Để đảm bảo phát triển đô thị bền vững, đáp ứng định hướng của Chính phủ đến năm 2030 tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 50% đối với đô thị loại II trở lên và 20% đối với các đô thị còn lại, tỉnh Bình Định đang triển khai dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định từ nguồn vốn ODA và hiện đang lập đề xuất dự án đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung cho các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh.

Về khó khăn, vướng mắc: Chi phí đầu tư hạ tầng thu gom và xử lý nước thải đô thị khá lớn, ngân sách địa phương khó đáp ứng nên phải tranh thủ từ các nguồn tài trợ hoặc vốn vay dẫn đến tiến độ chậm. Ngoài ra, phần lớn các khu vực đô thị tập trung đông dân cư đều được hình thành từ lâu nên việc nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước thải rất khó khăn, phức tạp. Công tác quản lý xây dựng, quản lý đấu nối chưa chặt chẽ nên tỷ lệ nước thải được thu gom về hệ thống xử lý khá thấp, ảnh hưởng đến công năng của hệ thống.

4.3. Về quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng

Nhằm tăng cường công tác quản lý chất thải trong hoạt động nông nghiệp, y tế, giao thông vận tải và xây dựng trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành 05 Quyết định² để tổ chức thực hiện. Theo đó kết quả đạt được như sau:

²Quyết định: số 54/2019/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 ban hành Quy định về phân công trách nhiệm trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 68/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 ban hành quy định phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; số 723/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy

a) Trong hoạt động nông nghiệp:

- Về chăn nuôi: Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được hơn 53.270 công trình khí sinh học (hầm biogas). Đồng thời, vận động các cơ sở chăn nuôi, các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, gắn với sử dụng các chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu mùi hôi từ phân chuồng, giảm lượng khí thải từ hoạt động chăn nuôi; sử dụng hiệu quả khí gas từ các công trình khí sinh học làm chất đốt, đun nấu, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn.

Trên địa bàn tỉnh hiện có gần 2.000 trang trại chăn nuôi với trên 200 trang trại chăn nuôi quy mô vừa trở lên. Trong đó, có 50 trang trại hoạt động chăn nuôi, sản xuất con giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao, có hệ thống chăn nuôi hiện đại, khép kín (34 trang trại lợn, 15 trang trại gà, 01 trang trại bò sữa); chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động được các trang trại thu gom và ủ bón cây, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sau biogas, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi); hoặc được tận dụng tưới cho cây trồng và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng).

- Về trồng trọt: trên địa bàn tỉnh có 15.965 bể chứa thuốc BVTV để thu gom vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; bố trí các kho lưu chứa và tuyên truyền, vận động nhân dân thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc về các bể chứa và Hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2024 ước tính khoảng 2.722,5 tấn; khối lượng CTNH công nghiệp, nông nghiệp năm 2024 được thu gom, xử lý là 2.600 tấn, đạt tỷ lệ 95,5%.

b) Trong hoạt động y tế:

Theo thống kê, số lượng cơ sở y tế có giường bệnh trên địa bàn tỉnh là 21 cơ sở, các cơ sở đều xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn; chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đều được tiếp tục thu gom, xử lý theo Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh bình định. Khối lượng chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý trong năm 2024 tại các cơ sở y tế là 329,135 tấn/năm (tăng 28,8% so với năm 2023); tỷ lệ xử lý 100%. Toàn bộ chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý tại nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM và MT Hậu Sanh. Các cơ sở y tế lớn trên địa bàn tỉnh đều đầu tư đồng bộ và vận hành thường xuyên, liên tục hệ thống xử lý nước thải.

c) Trong hoạt động giao thông vận tải:

Tỉnh Bình Định đã triển khai áp dụng các quy định mới trong công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường

bộ. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục thực hiện một số Đề án như: Đề án phát triển vận tải hành khách bằng xe buýt, taxi; Đề án thí điểm hoạt động xe 04 bánh chạy bằng năng lượng điện phục vụ chờ khách tham quan, du lịch trong khu vực hạn chế trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và các tuyến nổi điểm du lịch theo các Quyết định của UBND tỉnh; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, nhằm triển khai thực hiện Chương trình hành động chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị trong ngành giao thông vận tải nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, chuyển đổi sử dụng điện, năng lượng xanh đối với phương tiện, thiết bị, hạ tầng giao thông xanh trong giao thông vận tải; nâng cao chất lượng công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn tỉnh.

d) Trong hoạt động xây dựng:

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện việc giám sát công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng tại các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo đó, các đơn vị đã hướng dẫn và yêu cầu các chủ đầu tư chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với hoạt động xây dựng.

4.4. Về quản lý một số loại chất thải đặc thù

Trên địa bàn tỉnh hiện có 70 hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) lắp đặt trên 31 công trình nông nghiệp, lâm nghiệp dưới mô hình trang trại nuôi trồng với tổng công suất 66,66 MWp. Trong thời gian qua tỉnh Bình Định đã hướng dẫn các nhà máy pin năng lượng mặt trời có phát sinh tấm pin năng lượng mặt trời hư hỏng thải bỏ tại thực hiện thu gom, chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Theo đó, từ năm 2023 đến nay, tổng khối lượng tấm pin năng lượng mặt trời đã thu gom và chuyển giao cho Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để xử lý theo quy định là 4.819 kg.

Hiện nay, chưa có quy định cụ thể việc quản lý và hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý đối với các thiết bị điện tử, pin xe điện thải bỏ nên việc thu gom, tái chế các loại chất thải này đối với nhà sản xuất và nhà nhập khẩu chưa được triển khai thực hiện theo quy định; do đó, tỉnh Bình Định hiện chưa thống kê tình hình phát sinh, thu gom, xử lý đối với các loại chất thải trên. Thiết bị điện tử, pin xe điện thải phát sinh có khả năng tái chế được các tổ chức, cá nhân thu gom trực tiếp từ người dân và bán cho các cơ sở tái chế. Đồng thời, trong thời gian qua, tỉnh đã hướng dẫn việc thu gom pin, bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh từ hộ gia đình trên địa bàn tỉnh ở các xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; đến nay, các xã đã thực hiện công tác thu gom pin, bóng đèn huỳnh quang thải và hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để xử lý theo quy định.

4.5. Về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa, phòng, chống ô nhiễm rác thải nhựa đại dương

Trong thời gian qua, thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và

Môi trường, UBND tỉnh Bình Định đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động hưởng ứng, thực hiện Phong trào Chống rác thải nhựa, cụ thể: Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, hầu hết các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã có Kế hoạch, chương trình, hoạt động hưởng ứng Phong trào “Chống rác thải nhựa” phù hợp.

Hưởng ứng Phong trào Chống rác thải nhựa, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra nhiều hoạt động truyền thông về giảm thiểu rác thải nhựa với nhiều hình thức triển khai đa dạng và phong phú như:

- Tại các cơ quan, đơn vị: quán triệt việc không sử dụng nước đóng chai sử dụng một lần trong các cuộc họp và trong sinh hoạt cơ quan, đơn vị, thay thế bằng các dụng cụ (*bình thủy tinh, bình sứ...*); hạn chế sử dụng băng rôn, áp phích bằng nhựa dùng một lần.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan: Lắp đặt Pano, treo băng rôn, phướn tuyên truyền; tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, cổng thông tin điện tử,...); tổ chức các hoạt động ra quân hưởng ứng Phong trào: Ra quân làm sạch bãi biển; các cuộc thi sáng kiến về giảm thiểu rác thải nhựa; thực hiện các mô hình giảm thiểu chất thải nhựa tại các siêu thị, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, tại các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã triển khai mô hình “Ngôi nhà Xanh” để thu gom xử lý chất thải nhựa và bao bì nhựa sử dụng một lần.

5. Về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về bảo vệ môi trường; đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo (phân tích, đánh giá kết quả trong 3 năm 2022 - 2024, so sánh đối chiếu với kết quả giai đoạn 2016 - 2021)

Công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Công an tỉnh và UBND cấp huyện, xã tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường và các Điều 162, 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức kiểm tra, xử lý...). Việc triển khai công tác kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường. Đồng thời, tiến hành xử lý các hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và các hành vi xả thải các thông số môi trường vượt quy chuẩn cho phép.

Sau khi Luật BVMT năm 2020 được ban hành, công tác kiểm tra về bảo vệ môi trường được chú trọng, triển khai đồng bộ ở các cấp; đồng thời, công tác xử lý vi phạm triệt để hơn. Ngoài ra, các ngành, địa phương của tỉnh còn triển khai công tác kiểm tra đột xuất phát từ đơn thư phản ánh, kiến nghị của nhân dân, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đường dây nóng. Trong giai đoạn 2022 -

2024, Sở Tài nguyên và Môi trường, BQL KKT tổ chức thanh, kiểm tra 167 lượt cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý về môi trường.

Trong giai đoạn 2016 – 2021, toàn tỉnh đã kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với 776 cơ sở, xử phạt 3.637.750.000 đồng; giai đoạn 2022 - 2024 kiểm tra 423 cơ sở, xử phạt 4.495.419.939 đồng.

Bên cạnh đó, việc triển khai đồng bộ đường dây nóng về BVMT trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã góp phần nắm bắt và giải quyết kịp thời phản ánh và bức xúc của người dân đối với tình trạng ô nhiễm môi trường. Từ năm 2017 đến 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương cấp huyện giải quyết 30/30 vụ việc phản ánh qua đường dây nóng về môi trường. Đối với đường dây nóng cấp tỉnh, số vụ việc tiếp nhận qua đường dây nóng từ năm 2017 đến 2024 là 109 vụ, đều đã được kiểm tra, giải quyết dứt điểm. Đồng thời, từ đầu năm 2022 đến nay, toàn tỉnh triển khai việc thực hiện Quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin đường dây nóng về ô nhiễm môi trường theo quy trình mới do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, góp phần tăng cường tính kịp thời và hiệu quả trong giải quyết các vụ việc phản ánh qua đường dây nóng về môi trường.

6. Về việc tổ chức và phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

6.1. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng

Thời gian qua, tỉnh Bình Định đã chủ động nghiên cứu để phát triển thị trường tín chỉ các-bon nhằm thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng xanh; tuy nhiên, do khung pháp lý quy định về tín chỉ các-bon chưa đồng bộ nên nội dung trao đổi tín chỉ carbon chưa thực hiện.

UBND tỉnh đã có Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 22/01/2025 gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện Dự án Điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Bình Định giai đoạn năm 2024 - 2025. Trong đó, có nội dung xác định trữ lượng các-bon rừng theo từng trạng thái rừng, nhóm chủ rừng, đánh giá tiềm năng các-bon rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định để làm cơ sở các hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon rừng với các đối tác quốc tế khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

6.2. Việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Trong thời gian qua, tỉnh Bình Định đã bước đầu triển khai thực hiện công tác kiểm kê khí nhà kính và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. UBND tỉnh đã ban hành công văn số 1264/UBND-KT ngày 09/3/2023 chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan triển khai các quy định pháp luật và theo dõi, đôn đốc các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã có Văn bản số 7298/UBND-KT ngày 18/9/2024 triển khai Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật); trong đó, giao các Sở, ngành theo chức năng và nhiệm vụ thực

hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và triển khai hoạt động đào tạo nâng cao năng lực, hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính cho các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

7. Về một số nội dung khác

7.1. Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường được các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai tương đối đồng bộ và đa dạng về hình thức thực hiện. Đặc biệt, tập trung triển khai các hoạt động nhằm tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường 2020, hưởng ứng các sự kiện về môi trường (Ngày Môi trường thế giới và Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm, Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới năm,...) với mục tiêu thay đổi hành vi, thói quen trong cuộc sống hàng ngày, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và hệ sinh thái.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 08/02/2023 về truyền thông về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 - 2025. Kế hoạch tập trung vào 03 nội dung chính: tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường 2020; tuyên truyền, triển khai nhân rộng các mô hình về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ năng truyền thông môi trường. Năm 2023, tỉnh Bình Định đã tổ chức Lễ mít-tinh với chủ đề “Giải pháp cho ô nhiễm nhựa”; năm 2024, tổ chức Lễ Phát động với chủ đề “Phục hồi đất, chống hạn hán và sa mạc hoá” cùng các hoạt động hưởng ứng sự kiện Ngày Môi trường thế giới 05/6 và Tháng hành động vì môi trường. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành đã tổ chức biên soạn, phát hành nhiều sổ tay, tờ rơi, bộ tài liệu hỏi đáp về tuyên truyền, hướng dẫn công tác BVMT; các hội đoàn thể đã triển khai nhiều hội thảo, tập huấn và các mô hình thiết thực về truyền thông BVMT và phân loại rác tại nguồn với sự tham gia của đông đảo cộng đồng dân cư. Qua đó, một số mô hình đã được duy trì và nhân rộng, góp phần cải thiện chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

7.2. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về BVMT

a) Thực hiện các đề tài, nhiệm vụ, dự án nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về BVMT:

Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được quan tâm thực hiện. Từ năm 2020 đến nay, tỉnh Bình Định đã thực hiện 03 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực BVMT; trong đó, 02 nhiệm vụ đã nghiệm thu và được bàn giao kết quả cho các đơn vị liên quan (nhiệm vụ “Nghiên cứu số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định” và nhiệm vụ “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xử lý nước thải chăn nuôi heo quy mô nhỏ (từ 50 - 100 con) chi phí thấp”), 01 nhiệm vụ đang thực hiện (nhiệm vụ “Hoàn thiện và triển khai áp dụng kết quả ứng dụng công

nghe GIS, viễn thám, địa kỹ thuật và trí tuệ nhân tạo để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định²). Ngoài ra, hàng năm, Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh đều tổ chức cuộc thi Sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh với sự tham gia của hàng trăm công trình, giải pháp dự thi trên nhiều lĩnh vực, trong đó, lĩnh vực BVMT luôn có số lượng bài dự thi lớn nhất. Thông qua kết quả cuộc thi, nhiều giải pháp đạt giải cấp tỉnh đã gửi tham dự và đạt giải cấp quốc gia.

b) Việc triển khai ứng dụng giải pháp, công nghệ, mô hình BVMT trong thực tế:

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Công Thương đã lồng ghép vào chương trình khuyến công thông qua các đề án Hỗ trợ máy móc thiết bị, xây dựng mô hình trình diễn công nghệ sản xuất tiên tiến thân thiện với môi trường. Qua đó, hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 110 đề án với tổng kinh phí hỗ trợ 17.961,9 triệu đồng.

Một số mô hình BVMT và xử lý chất thải đã được thực hiện thành công trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Đơn cử như mô hình nuôi trùn quế để xử lý chất thải chăn nuôi heo tại Trại heo giống ở xã Canh Vinh, huyện Vân Canh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thành Phú được triển khai từ năm 2019 đến nay và đạt hiệu quả thiết thực. Mô hình công trình khí sinh học biogas trong xử lý chất thải chăn nuôi heo cũng đã được triển khai rộng rãi và đem lại hiệu quả rõ nét trên địa bàn tỉnh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 53.270 công trình biogas được xây dựng, lắp đặt để xử lý chất thải đối với hoạt động chăn nuôi quy mô nông hộ cũng như các trang trại quy mô lớn, góp phần đáng kể trong việc hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi.

7.3. Hội nhập và hợp tác quốc tế

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh Bình Định đã triển khai 02 dự án do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ: (1) Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn”³, (2) Dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”⁴.

² Triển khai các hoạt động như tập huấn, hội thảo nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ quản lý và thực hiện hiệu quả các mô hình: làm phân compost ở xã Nhơn Châu; mô hình khu dân cư kiểu mẫu ở khu vực I, phường Ghềnh Ráng; mô hình kinh tế tuần hoàn ở trường THCS Nhơn Lý, bãi biển không rác thải, nhà hàng thân thiện với môi trường, tổ chức 3 điểm Hội thi “Sáng kiến cộng đồng về thu gom, xử lý và phân loại rác thải sinh hoạt trong gia đình” và 4 điểm “Truyền thông về bảo vệ môi trường biển, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương” tại xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn...

³ Tổ chức thi rung chuông vàng và thi vẽ tranh cho học sinh tại 04 trường Tiểu học và THCS ở 4 xã/phường Nhơn Lý, Nhơn Châu, Nhơn Hải và Ghềnh Ráng với chủ đề “Vi 1 đại dương xanh không rác thải nhựa và bảo vệ rạn san hô vịnh Quy Nhơn”. Có khoảng 1.400 học sinh 4 trường đã tham gia hoạt động, qua đó được phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức về bảo vệ rạn san hô, môi trường và giảm thiểu rác thải nhựa; Cuộc thi sáng tác và biểu diễn tiểu phẩm truyền thông cộng đồng dạng sân khấu hóa về bảo vệ nguồn lợi, rạn san hô, giảm thiểu rác thải nhựa tại 4 xã/phường trong khu vực biển Vịnh Quy Nhơn; Xây dựng 4 pano giới thiệu bản đồ khu vực biên giới cho cộng đồng quản lý và 2 poster về bảo vệ rùa biển và phân loại rác thải nhựa.

Từ năm 2022 đến năm 2024, triển khai dự án “Thí điểm các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải ngành thủy sản nhằm thúc đẩy Kinh tế tuần hoàn tại thành phố Quy Nhơn”⁵ do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tài trợ. Hiện nay, tỉnh Bình Định đang phối hợp Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam hoàn thiện dự thảo Văn kiện dự án: “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về rác thải nhựa đại dương trong bối cảnh phục hồi xanh hậu COVID-19 tại Việt Nam” để trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

Từ năm 2016 - 2024, đã triển khai thực hiện Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn, bao gồm các hợp phần Mở rộng hạ tầng vệ sinh; cải thiện kết nối đô thị; bồi thường và giải phóng mặt bằng; hỗ trợ thực hiện và cải cách thể chế dịch vụ công ích từ nguồn vốn ODA và vốn đối ứng do Ngân hàng thế giới tài trợ.

Hiện nay, UBND tỉnh đang triển khai dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ.

7.4. Cải cách thủ tục hành chính

Để đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ môi trường, tất cả các TTHC về môi trường đều được tiếp nhận trực tuyến trên hệ thống hành chính công của UBND tỉnh và đã tiến hành đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết từ 34%-60% đối với một số thủ tục hành chính phát sinh thường xuyên và liên quan đến người dân và doanh nghiệp, cụ thể:

- Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: giảm thời gian giải quyết theo 02 đối tượng: (1) giảm từ 50 ngày xuống còn 25 ngày đối với 04 loại hình dự án phổ biến: tuyến đường giao thông; khu dân cư, tái định cư; xây dựng trụ sở cơ quan; khai thác đất làm vật liệu san lấp và (2) giảm từ 50 ngày xuống còn 33 ngày đối với các loại hình dự án còn lại.

- Thủ tục Cấp giấy phép môi trường: Giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 23 ngày.

Về công khai thông tin thủ tục hành chính: Để thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện các TTHC về môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đăng tải một số biểu mẫu báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của một số loại hình dự án phổ biến trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử để tổ chức, cá nhân tham khảo trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường.

7.5. BVMT trong hoạt động mai táng, hỏa táng

UBND tỉnh đã ban hành Quy định về phân cấp xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Bình Định (theo Quyết định số

⁵ Triển khai các nội dung như: Khảo sát, điều tra, đánh giá thành phần, khối lượng rác thải nhựa phát sinh làm cơ sở xây dựng hệ số phát thải rác thải nhựa cho từng đối tượng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, định lượng nguyên liệu đầu vào cho MR; nâng cao nhận thức và hỗ trợ việc xây dựng mô hình quản lý tổng hợp chất thải cho ngành thủy sản; hỗ trợ thiết lập các Cơ sở thu hồi vật liệu nhằm cải thiện chuỗi giá trị vật liệu tại địa phương; hỗ trợ công tác nhân rộng, mở rộng, đảm bảo tính bền vững của các mô hình quản lý chất thải đã xây dựng; hỗ trợ xây dựng những chiến lược, công cụ và chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin và chia sẻ những thực hành tốt nhất trong việc huy động sự tham gia của khối phi chính thức và lập kế hoạch phân loại chất thải,...

80/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017). Hiện nay, tỉnh Bình Định đang triển khai áp dụng theo QCVN 07-10:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ. Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 Trung tâm hỏa táng Bình Định An Viên; cơ sở đã thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường theo quy định.

II. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT:

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về bố trí và sử dụng nguồn lực cho BVMT

Lĩnh vực môi trường khá rộng, liên quan đến hầu hết các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, công tác BVMT cần nguồn lực lớn về con người và tài chính. Tuy nhiên, ngân sách tỉnh còn hạn chế nên chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ về môi trường, nhất là đầu tư hạ tầng về xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp. Việc huy động nguồn lực trong xã hội, xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường chưa đạt kết quả như mong muốn.

1.2. Về triển khai các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường

Trong quá trình triển khai xây dựng các kế hoạch ứng phó các sự cố môi trường, chất thải có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh; qua rà soát các quy định liên quan, có sự trùng lặp giữa Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải thực hiện theo mẫu của Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thực hiện theo mẫu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, nếu xây dựng và ban hành 02 kế hoạch sẽ dẫn đến trùng lặp, tốn kém thời gian, kinh phí. Đối với vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tuy nhiên, chưa có hướng văn bản dẫn cụ thể.

1.3. Về triển khai các chính sách, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm

Về công tác bảo vệ môi trường đối với CCN, thời gian qua UBND tỉnh tập trung chỉ đạo và ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn và giao chỉ tiêu hàng năm đối với từng CCN, trong đó có một số chỉ tiêu về bảo vệ môi trường; đồng thời, đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó xác định cụ thể lộ trình đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải của các CCN. Tuy nhiên, trên thực tế, các CCN chưa thực hiện đảm bảo các yêu cầu về BVMT, xử lý nước thải theo đúng tiến độ đề ra.

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do đối với phần lớn các CCN do Nhà nước làm chủ đầu tư gặp nhiều khó khăn trong bố trí ngân sách để lập và triển khai dự án đầu tư hạ tầng CCN, trong đó có hạ tầng về BVMT và xử lý nước thải. Ngoài ra, tại nhiều CCN tiến độ lấp đầy các doanh nghiệp thứ cấp khá chậm nên việc đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải ngay từ giai đoạn ban đầu sẽ phát sinh tình trạng lãng phí vì không thu gom được nước thải để xử lý và hệ thống xử lý nước thải mau xuống cấp, hư hỏng.

1.4. Về thực hiện các nội dung về quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Hiện nay vẫn còn một số quy định, chính sách về bảo vệ môi trường chưa được xây dựng và ban hành kịp thời trên một số lĩnh vực như đã phân tích ở các phần trên.

Công tác truyền thông về môi trường được các cấp, các ngành của tỉnh quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, hình thức và nội dung tuyên truyền chưa đa dạng và có chiều sâu nên chưa thu hút và tạo sự quan tâm của người dân tham gia trong công tác bảo vệ môi trường. Công tác truyền thông vẫn còn thực hiện theo các phương thức truyền thống như tổ chức lễ mittinh, ra quân dọn vệ sinh, trồng cây xanh,... chưa có nhiều cải tiến, nhất là chưa chú trọng vào phương thức truyền thông mạng, truyền thông đa phương tiện nên hiệu quả chưa cao và hiệu ứng lan truyền chưa rộng.

Một số địa phương chưa triển khai đồng bộ các nội dung trong công tác quản lý Nhà nước về BVMT, cụ thể như một số địa phương cấp huyện chưa thực hiện công tác cấp giấy phép môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ về BVMT; nhiều xã, phường, thị trấn chưa thực hiện tiếp nhận đăng ký môi trường,... Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do các địa phương, đơn vị chưa tổ chức nghiên cứu, quán triệt các quy định của Luật BVMT 2020 để làm cơ sở thực hiện. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã còn hạn chế về năng lực và phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên khó khăn trong việc triển khai các quy định về BVMT.

1.5. Về công tác quản lý chất thải

Việc triển khai Luật giá, trong đó có giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, hướng dẫn các quy định có liên quan để các địa phương triển khai thực hiện, hoàn thành chậm nhất 31/12/2024. Tuy nhiên, đến tháng 02/2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới ban hành các hướng dẫn về quy trình và định mức⁶ nên địa phương cần có thời gian để nghiên cứu, áp dụng trong quá trình xây dựng phương án giá. Vì vậy, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND cấp huyện khẩn trương hoàn thành và trình ban hành trong tháng 5/2025.

Công tác quản lý chất thải tại khu vực nông thôn (rác thải sinh hoạt, chăn nuôi, trồng trọt, làng nghề,...) đã có sự chuyển biến và cơ bản được kiểm soát. Tuy nhiên, đặc thù tại khu vực nông thôn hoạt động chăn nuôi nông hộ vẫn còn nhiều, xen lẫn trong khu dân cư, các làng nghề đã hình thành lâu đời, hạ tầng bảo vệ môi trường còn hạn chế nên tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi và sản xuất tại các làng nghề chưa được giải quyết triệt để.

1.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT và

⁶ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 về quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (có hiệu lực thi hành ngày 05/02/2025) và Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 về định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (có hiệu lực thi hành ngày 06/02/2025).

đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường

Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc quản lý môi trường cấp tỉnh được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Tuy nhiên, đối với cấp huyện, xã việc tổ chức triển khai thực hiện vẫn còn lúng túng, một số địa phương không thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ các quy trình theo quy định nên hiệu quả chưa cao.

1.7. Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Việc nghiên cứu, triển khai các nội dung liên quan phát triển thị trường các-bon, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vẫn còn hạn chế do thiếu những quy định, hướng dẫn của trung ương.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Luật BVMT năm 2020 có nhiều điểm mới, trong đó có nhiều quy định chưa được hướng dẫn, chậm được hướng dẫn hoặc đã có nhưng chưa rõ ràng và không phù hợp với thực tiễn địa phương (định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, xử lý rác thải vừa mới được ban hành, chưa ban hành hướng dẫn quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chưa ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật trong lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước mặt, trong điều tra đa dạng sinh học chưa được ban hành, quy định về cơ sở dữ liệu về môi trường, điều tra khu vực ô nhiễm đất khó thực hiện,...) dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT nhưng các văn bản mới có hiệu lực thi hành nên cần phải có thời gian để các cơ quan ở địa phương nghiên cứu, triển khai.

- Khối lượng các nhiệm vụ cần giải quyết lớn, bên cạnh các công việc theo kế hoạch còn nhiều nhiệm vụ đột xuất dẫn đến các cơ quan, đơn vị, địa phương không dành đủ nguồn lực cho việc triển khai đầy đủ quy định Luật Bảo vệ môi trường, triển khai thực hiện các Kế hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường. Đội ngũ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cấp xã hiện nay kiêm nhiệm nhiều công việc nên công tác quản lý môi trường chưa được thực hiện tốt.

- Thời gian qua, Bình Định là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá tốt, thu hút nhiều dự án đầu tư trên nhiều lĩnh vực mới, đa dạng. Đây là điểm tích cực của tỉnh trong phát triển kinh tế, xã hội nhưng cũng gây áp lực không nhỏ đối với các cơ quan quản lý môi trường các cấp để vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo các yêu cầu về BVMT và phát triển bền vững.

- Chi phí đầu tư cho công tác BVMT khá cao, là rào cản lớn đối với các doanh nghiệp và người dân trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh; điều này đã dẫn

đến một số cá nhân, doanh nghiệp cố tình không thực hiện hoặc thực hiện đối phó đối với công tác BVMT, gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường và khó khăn cho các cơ quan quản lý trong quá trình kiểm tra giám sát.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Vẫn còn một số chính quyền địa phương, đơn vị chưa thật sự chú trọng công tác bảo vệ môi trường, chủ yếu tập trung thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế.

- UBND cấp huyện vẫn chưa thực sự chủ động trong xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ môi trường, lập dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm, xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác BVMT định kỳ hàng năm; nhiều địa phương cấp xã chưa nghiên cứu và triển khai đồng bộ các quy định của Luật BVMT.

- Đối với các CCN do Nhà nước đầu tư, ngân sách bố trí chủ yếu tập trung vào san lấp mặt bằng, hạ tầng giao thông, cấp điện,... chưa phân bổ kinh phí để hoàn thiện hồ sơ pháp lý về môi trường và xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, trồng cây xanh.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về BVMT còn thiếu về số lượng và hạn chế về thời gian và năng lực. Nhiều cán bộ tại các địa phương còn thụ động, thiếu nghiên cứu và triển khai các quy định về BVMT.

- Một bộ phận người dân chưa thật sự có ý thức đầy đủ với công tác BVMT nên vẫn còn có tình trạng xả rác thải, nước thải bừa bãi nơi cộng cộng, săn bắt, khai thác trái phép nguồn lợi động thực vật,... gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường và suy giảm tính đa dạng sinh học.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là cơ quan chuyên môn, giúp việc cho UBND tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Sau khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh triển khai công tác bảo vệ môi trường theo quy định mới. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường ban hành nhiều quy định mới liên quan rất nhiều ngành, lĩnh vực và giao cho địa phương ban hành khá nhiều quy định thuộc thẩm quyền. Ngoài ra, một số lĩnh vực trước đây thuộc các ngành khác (quản lý chất thải rắn) nay được chuyển giao cho ngành Nông nghiệp và Môi trường nên việc nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh chưa kịp thời và đồng bộ.

Một số sở, ban, ngành chưa dành sự quan tâm đầy đủ trong việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao nhằm triển khai Luật Bảo vệ môi trường; chậm tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp,...

UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn chưa triển khai đồng bộ, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó phổ biến nhất là các quy định về cấp giấy phép môi trường, tiếp nhận đăng ký môi

trường, tham vấn cộng đồng trong lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; chưa chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm; một số địa phương chưa xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định.

Các hội đoàn thể đã tham gia tích cực trong công tác BVMT, nhất là tổ chức các hoạt động truyền thông môi trường, các mô hình BVMT và xử lý chất thải,... Tuy nhiên, nội dung và hình thức truyền thông môi trường còn thiếu đa dạng và cần phải có sự thay đổi trong thời gian tới.

III. Đánh giá chung về tình hình thực hiện Luật BVMT năm 2020

Qua 03 năm thực hiện, có thể nhận thấy Luật Bảo vệ môi trường đã được triển khai khá đồng bộ trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, quy định, chương trình, kế hoạch nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh và bước đầu thực hiện đem lại những kết quả tích cực.

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện thường xuyên, liên tục với sự đa dạng về nội dung, hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường. Cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường bắt đầu được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từng bước đi vào nề nếp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý môi trường các cấp và các ban, ngành, hội đoàn thể. Công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, đã góp phần hỗ trợ tối đa cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện các thủ tục môi trường. Công tác quản lý chất thải mà nhất là chất thải rắn sinh hoạt được chú trọng triển khai, đã cải thiện đáng kể tỷ lệ thu gom và xử lý trên toàn địa bàn. Công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường dần đi vào nề nếp.

Thông qua việc triển khai các quy định của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn, chất lượng các thành phần môi trường của tỉnh được kiểm soát và ở mức tốt; tỷ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ rác thải sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 93,72% vượt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ chất thải nguy hại công nghiệp, nông nghiệp được thu gom, xử lý đạt 95,5%, tỷ lệ chất thải nguy hại y tế được thu gom, xử lý đạt 100%; không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phát sinh; đã hoàn thành việc nâng công suất nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn từ 14.000 m³/ngày đêm lên 28.000 m³/ngày đêm,... Những kết quả nêu trên đã góp phần cải thiện đáng kể chất lượng môi trường sống trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ công tác thu hút đầu tư và xây dựng tỉnh Bình Định phát triển theo định hướng xanh - sạch - đẹp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, quá trình triển khai Luật Bảo vệ môi trường 2020 cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc; nhất là việc các cơ quan trung ương chưa ban hành đầy đủ các quy định, hướng dẫn triển khai nên địa phương gặp nhiều lúng túng, một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động nghiên cứu, triển khai đồng bộ các quy định của Luật nên hiệu quả thực thi Luật tại một số địa phương, đơn vị chưa cao.

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp

1.1. Về xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về BVMT

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, chương trình, kế hoạch và các quy định, hướng dẫn nhằm cụ thể hóa việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; trong đó, chú trọng ban hành các chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường, khuyến khích áp dụng các công vụ trái phiếu xanh tín dụng xanh,...

- Chính quyền và các đoàn thể tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng đến cán bộ, nhân dân trong tỉnh các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh để tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện.

- Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường cần triển khai đồng bộ ở các cấp; theo đó, hàng năm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ. Ngoài ra, đối với các vụ việc đột xuất phát sinh theo khiếu nại, phản ánh của người dân, cơ quan báo chí,... cần thành lập đoàn kiểm tra theo quy định để có đủ cơ sở kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm.

- Để thực hiện đảm bảo công tác xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, kính đề nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành liên quan sớm ban hành các văn bản quy định nhằm đồng bộ hóa hệ thống các quy định trong lĩnh vực môi trường, nhất là các quy định về quản lý chất thải, các quy định liên quan đến chính sách hỗ trợ cho đầu tư bảo vệ môi trường, hỗ trợ quản lý, xử lý chất thải,...

1.2. Về tổ chức thực hiện

a) Tăng cường nguồn lực cho BVMT

- Trong thời gian tới, tỉnh Bình Định sẽ tăng cường phân bổ kinh phí sự nghiệp về BVMT, phần đầu tăng dần theo từng năm và đạt tối thiểu 1% tổng chi Ngân sách của tỉnh đến năm 2030.

- Tăng cường công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực quốc tế cho công tác bảo vệ môi trường. Trước mắt, kêu gọi nhà đầu tư thực hiện 02 dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực phía Nam tỉnh (tại thành phố Quy Nhơn, công nghệ đốt rác phát điện) và phía Bắc tỉnh (tại thị xã Hoài Nhơn). Đồng thời, vận động nguồn vốn ODA để thực hiện dự án xây dựng thống thoát nước và xử lý nước thải cho các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn và Tây Sơn.

- Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng

năm, trong chương trình bồi dưỡng cán bộ cấp huyện, xã do UBND tỉnh tổ chức sẽ lồng ghép các chuyên đề về bảo vệ môi trường.

b) Triển khai có hiệu quả các chính sách, pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm, kiểm soát ô nhiễm

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật BVMT, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường, trong đó có nội dung về quản lý rác thải. Xây dựng kế hoạch truyền thông môi trường cho giai đoạn 2026-2030.

- Chú trọng giám sát công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các Khu công nghiệp; rút ngắn tiến độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý và hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, đặc biệt các CCN do tư nhân làm Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng; sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tỉnh Bình Định, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tập trung

- Chỉ đạo UBND cấp huyện bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường các CCN do Nhà nước đầu tư; tăng cường thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN để giảm áp lực về ngân sách cho địa phương; tăng cường sự phối hợp và làm rõ trách nhiệm của các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện trong công tác quản lý về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động sản xuất trong CCN.

- Triển khai đồng bộ quy định về lắp đặt hệ thống tự động liên tục nguồn thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và truyền số liệu trực tiếp về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động của Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý. Vận hành đồng bộ các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động liên tục trên địa bàn tỉnh, thông tin kết quả quan trắc trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân được biết.

c) Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định; rà soát, yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh lập hồ sơ môi trường và thực hiện đảm bảo các giải pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường. UBND cấp huyện, xã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm khi phát hiện các hành vi vi phạm; tăng cường phối hợp giữa các ngành, địa phương trong giải quyết các phản ánh qua đường dây nóng về môi trường.

- Chú trọng công tác bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy nhanh tiến độ thành lập các khu bảo tồn đa dạng sinh học đã đề ra trong quy hoạch; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp, nhất là cán bộ cấp xã.

d) Tăng cường quản lý chất thải

- Xây dựng phần mềm quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải. Định kỳ hằng năm, điều tra, thống kê, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về chất thải rắn trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

- Tăng cường giám sát việc thải bỏ CTR không đúng quy định tại một số khu vực công cộng, khu dân cư,... bằng nhiều hình thức; bước đầu thực hiện thông qua hệ thống camera, kết nối trực tuyến về Trung tâm Điều hành đô thị thông minh của tỉnh và các địa phương để kiểm tra, chấn chỉnh và xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất theo quy định việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại); kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chú trọng tiêu chí về quản lý rác thải trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về nông thôn mới; các xã, huyện phải đạt tiêu chí về quản lý rác thải (tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý,...) và tiếp tục duy trì sau khi đã được công nhận đạt chuẩn. Đối với các xã, huyện đã đạt nông thôn mới trước đây, phải rà soát, có kế hoạch hoàn thiện, phấn đấu theo tiêu chí môi trường giai đoạn 2022 - 2025.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở tái chế nhựa đầu tư cải tiến công nghệ theo hướng hiện đại, áp dụng sản xuất sạch; đẩy mạnh triển khai phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt. Trang bị hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đáp ứng yêu cầu sau phân loại.

- Đối với quản lý nước thải đô thị, vận hành đồng bộ 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại thành phố Quy Nhơn; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và triển khai dự án đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn; đồng thời, triển khai dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh.

- Về nguồn vốn đầu tư: ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, tiến hành huy động các nguồn vốn khác như tư nhân, nguồn đầu tư nước ngoài ODA, FDI cho hoạt động BVMT. Trong đó, ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cơ bản (giao thông, cây xanh, hạ tầng ngầm, công trình công cộng); các nguồn vốn xã hội hóa và đầu tư tư nhân, hợp tác công tư (PPP) tập trung cho các lĩnh vực như hạ tầng kỹ thuật (khu công nghiệp, CCN, khu đô thị mới), cấp nước, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, xử lý rác thải. Vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI): đầu tư các dự án đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn (thoát nước, xử lý nước thải,...).

e) Về tổ chức phát triển thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng; việc thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính:

Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các quy định liên quan thị trường các-bon, trong đó có nội dung trao đổi tín chỉ các-bon rừng và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT (nếu có): Không.

3. Kiến nghị (trước mắt và lâu dài) đối với các cơ quan có thẩm quyền

3.1. Đối với Quốc hội

- Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đề phù hợp các Luật sau:

a. Luật Giá 2023

Cụ thể tại Điều 73 Luật Giá 2023 sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 như sau:

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều của các luật có liên quan

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”.

Đề nghị xem xét, giảm các nội dung giao UBND cấp tỉnh xây dựng các quy định, chính sách thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ở địa phương vì các quy định trong Luật BVMT và các nghị định, thông tư hướng dẫn đã quy định đầy đủ; địa phương chỉ cần áp dụng, triển khai thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

3.2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đề nghị xem xét, sửa đổi Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030 phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Theo đó, đề xuất các chủ dự án đầu tư chỉ thực hiện 01 Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường (bao gồm ứng phó sự cố do chất thải). Đồng thời, chỉ có các cơ sở thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT (có các công trình xử lý chất thải) thì mới phải lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do chất thải.

3.3. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

- Ban hành hướng dẫn công nghệ xử lý nước thải tại chỗ; hướng dẫn một số nội dung trong hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Đồng thời, xem xét ban hành hướng dẫn đặc điểm kinh tế kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH và hướng dẫn về một số định mức đơn giá trong Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Hướng dẫn việc thẩm định công nghệ sản xuất và xử lý chất thải đối với một số ngành nghề đặc trưng có khả năng gây ô nhiễm cao và đánh giá tác động về nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí đến bệnh tật, sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, thường xuyên phổ biến, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ sản xuất sạch hơn và công nghệ xử lý chất thải hiện đại, hiệu quả.

- Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần và bao bì ni lông; chính sách hỗ trợ người thu gom, cơ sở tái chế nhựa phế liệu; tăng thuế đối với sản phẩm nhựa dùng một lần; chính sách hỗ trợ các cơ sở xử lý chất thải hữu cơ; tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với sản phẩm phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt; các định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghiệp vụ quản lý môi trường như các định mức kinh tế kỹ thuật trong lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước mặt, trong điều tra đa dạng sinh học...

- Xem xét, ban hành các chính sách nhằm tăng cường và khuyến khích hơn nữa việc xã hội hóa, thu hút các nhà đầu tư tham gia các lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến công tác xử lý, tái chế chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại...

- Điều chỉnh quy định các cụm công nghiệp phải có lưu lượng nước thải từ 500 m³/ngày trở lên mới phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nhằm tránh lãng phí của các cơ sở sản xuất, kinh doanh; bổ sung quy định về khoảng cách an toàn cho một số loại hình sản xuất khác có ảnh hưởng đến môi trường như chế biến lâm sản, tái chế phế liệu...

Trên đây là kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Đoàn giám sát Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, CT;
- Ban QLKKT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K5, K6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục I

**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH BAN HÀNH,
TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH BAN HÀNH VỀ VIỆC
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2024)**



(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	TÊN VĂN BẢN	THỜI ĐIỂM BAN HÀNH ¹	THỜI ĐIỂM CÓ HIỆU LỰC	CƠ SỞ PHÁP LÝ; NỘI DUNG LUẬT BVMT GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT; NỘI DUNG BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, QUY ĐỊNH BIỆN PHÁP THI HÀNH THEO THẨM QUYỀN	TÓM TẮT NỘI DUNG VĂN BẢN; KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI
1.	Quyết định số 76/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 và Quyết định số 91/2024/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định	Ngày 04/12/2023 và ngày 22/12/2024	Ngày 15/12/2023 và ngày 02/01/2025	khoản 6 Điều 58; khoản 6, khoản 8 Điều 64; khoản 4 Điều 70; khoản 7 Điều 72; khoản 2, khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83	- Quy định một số nội dung về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; bùn thải từ bể tự hoại, hầm cầu; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại; - Quy định về hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.
2.	Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh	Ngày 13/3/2023	Ngày 25/3/2023	khoản 6 Điều 62	Quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn tỉnh Bình Định

¹ Nêu rõ: căn cứ/ cơ sở pháp lý ban hành; thời gian được giao ban hành; thời điểm thực tế ban hành

3.	Quyết định số 94/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại KKT Nhơn Hội và các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định	26/12/2024	06/01/2025	Điểm a khoản 1 Điều 168 “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: a) Xây dựng, ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương; chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương; nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh”	Quy chế phối hợp gồm 03 Chương 18 Điều, cụ thể như sau: - Chương I. Những quy định chung gồm 5 điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Nguyên tắc phối hợp; Điều 4. Phương thức phối hợp; Điều 5. Nội dung phối hợp. - Chương II. Những quy định cụ thể về trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gồm 12 điều: Điều 6. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế; Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường; Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công Thương; Điều 9. Trách nhiệm của Sở Xây dựng; Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 11. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải; Điều 12. Trách nhiệm của Sở Y tế; Điều 13. Trách nhiệm của Sở Du lịch; Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ; Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh; Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp huyện; Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp xã.
----	---	------------	------------	---	--

PHỤ LỤC II

**NHỮNG VƯỚNG MẮC, BẮT CẬP TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2024)

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC, BẮT CẬP	KIỆN NGHỊ HOÀN THIỆN	GHI CHÚ
1.	Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020	Phân loại rác tại nguồn thực hiện chậm nhất là ngày 31/12/2024 theo quy định tại khoản 7 Điều 79 của Luật BVMT. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 75: CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) CTRSH khác. Tuy nhiên, hiện nay hạ tầng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau phân loại và nguồn lực tài chính tại tỉnh Bình Định khó đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ.	Việc áp dụng đồng bộ công tác phân loại rác tại nguồn chậm nhất ngày 31/12/2024 là khó khả thi, kiến nghị xem xét gia hạn thời gian áp dụng hoặc đưa ra lộ trình áp dụng mang tính khả thi hơn (Sửa đổi khoản khoản 7 Điều 79 của Luật BVMT).	
2.		Khoản 5 Điều 79 Luật BVMT quy định: “Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH ”, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn Phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý CTRSH tại Điều 31 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT. Tuy nhiên, chưa có quy định về phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH .	Bổ sung quy định về giao “Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn đối với phương pháp định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH và vệ sinh công cộng áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH ” để làm cơ sở thực hiện.	
3.		Điểm a Khoản 1 Điều 111 Luật BVMT quy định “Đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp xả nước thải ra môi trường”. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Bình Định, các cụm công nghiệp nhỏ chủ yếu là do nhà nước đầu tư quy mô diện tích nhỏ từ 5 -20ha, nước thải phát sinh từ hoạt động của các cơ sở trong cụm công nghiệp ít, nên việc đầu tư trạm quan trắc tự động tại các cụm công nghiệp gặp nhiều khó khăn.	Đề xuất bổ sung các cụm công nghiệp có lưu lượng nước thải 500 m ³ thì lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nhằm tránh lãng phí và không hiệu quả như các dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II, Nghị định	

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	GHI CHÚ
4.		Theo quy định tại khoản 6, Điều 121, Luật BVMT có quy định chung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau “<i>Việc phòng ngừa sự cố môi trường do rò rỉ, tràn đổ, phát tán chất thải (sau đây gọi chung là sự cố chất thải)</i> được thực hiện theo quy định của Luật này. Việc phòng ngừa sự cố do hóa chất, phóng xạ, dầu tràn, dịch bệnh và do nguyên nhân khác được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan”. Điều 124 Luật BVMT quy định cấu trúc theo khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Như vậy, theo quy định của Luật BVMT thì sự cố chất thải là một trong các loại sự cố môi trường nhưng cấp phê duyệt, ban hành và hướng dẫn nội dung có sự khác nhau, cụ thể: Trường hợp xây dựng “Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải” thì bố cục theo Phụ lục I, Quyết định số 146/QĐ-TTg và UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch; Trường hợp xây dựng “Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do rò rỉ, tràn đổ, phát tán chất thải” thì bố cục theo hướng dẫn tại Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và do Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh ban hành Kế hoạch đã đến khó khăn vướng mắc cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nội dung này. Qua nghiên cứu, địa phương nhận thấy về bản chất và nội dung cần xây dựng là một kế hoạch nhưng có hai hệ thống văn bản hướng dẫn khác nhau.	số 08/2022/NĐ-CP. Sửa đổi Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030 và khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đề xuất nội dung sửa đổi theo hướng: các chủ dự án đầu tư chỉ thực hiện 01 Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường (bao gồm ứng phó sự cố do chất thải). Đồng thời, chỉ các cơ sở thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT (có các công trình xử lý chất thải) mới phải lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do chất thải với bố cục theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	
5.		Theo quy định tại khoản 6, Điều 53, Luật BVMT quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường”. Hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường mới ban hành QCVN 01:2025/BTNMT-Quy định kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người (có hiệu lực từ ngày 13/8/2025) thuộc khoản 2, Điều 53, Luật BVMT. Tuy nhiên, qua nghiên cứu nội dung Quy chuẩn cho thấy tập trung quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với một số đối tượng	Đề xuất bổ sung quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với các cơ sở, sản xuất kinh doanh nằm xem kẽ trong khu dân cư để địa phương triển khai thực hiện.	

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP	KIỆN NGHỊ HOÀN THIỆN	GHI CHÚ
		(bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt; lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; dự án chăn nuôi; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại trung); các đối tượng còn lại tham khảo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN01:2021/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hoặc tham chiếu các giá trị trong Phụ lục 3 của TCVN4449:1987-Tiêu chuẩn Việt Nam về Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế để xác định khoảng cách an toàn về môi trường. Qua đó cho thấy, các đối tượng sản xuất nằm trong khu dân cư hầu hết nằm trong TCVN4449:1987-Tiêu chuẩn Việt Nam về Quy hoạch xây dựng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế để xác định khoảng cách an toàn về môi trường. Đây là TCVN không yêu cầu bắt buộc áp dụng dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc xây dựng khoảng cách an toàn về môi trường đối với các cơ sở thuộc khoản 2, Điều 53, Luật BVMT.		
6.	Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá	- Tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá, quy định: “Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá được quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Luật này. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền”. - Tại số thứ tự 37, phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá, quy định: “UBND cấp tỉnh <i>định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt</i>”. - Tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, quy định: “2. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm: a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền theo lĩnh vực quản lý để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ)	Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá, theo hướng: - Giao trách nhiệm cụ thể cơ quan ban hành “Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá”. - Trường hợp giao trách nhiệm ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cho UBND cấp tỉnh, bổ sung quy định: “Các bộ, cơ quan ngang bộ theo lĩnh vực quản lý, có trách nhiệm hướng dẫn cách thức xác định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của dịch vụ).”	

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VIOLATING, VIOLATING	VIOLATING VIOLATING	VIOLATING
		trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ...;” “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá ...;” → Như vậy, Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP giao đồng thời Bộ hoặc UBND cấp tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, không cụ thể trong phân công nhiệm vụ. Dẫn đến khó khăn cho địa phương trong việc xác định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của dịch vụ) đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.		
7.	Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá	Tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, quy định: “6. Chậm nhất đến ngày 31/10/2024, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, Danh mục thực hiện kê khai giá ...;” → Nghị định số 85/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10/7/2024, thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP rất khó để hoàn thành.	Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, theo hướng tăng thêm thời gian thực hiện đến 31/3/2025.	
8.	Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của	Tại số thứ tự 9 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP quy định: các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường công suất dưới 500 tấn/ngày (cơ sở thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường) đều phải có GPMT do cơ quan quản lý cấp tỉnh cấp. Trong khi đó, nhiều cơ sở tái chế nhựa, chế biến phân compost,... có quy mô khá nhỏ (chỉ vài tấn/ngày), tác động môi trường không lớn nên việc lập GPMT quy mô cấp tỉnh gây tốn kém và kéo dài việc triển khai dự án cho chủ đầu tư	Sửa đổi nội dung số thứ tự 9 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Đề xuất điều chỉnh quy định nêu trên phù hợp với thực tiễn, theo đó bổ sung quy định công suất tối thiểu phải làm GPMT (hoặc chỉ tập trung một số lĩnh vực tái chế có những công đoạn tái chế có khả năng ô nhiễm như: nung nấu kim loại, đốt nhựa, ngâm tẩy giấy phế liệu,...).	

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VIƯNG MẮC, BẤT CẬP	KIỆN NGHỊ HOÀN THIỆN	GHI CHÚ
	Luật BVMT.			
9.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các Thông tư liên quan	Công tác bảo vệ môi trường biển và hải đảo được quy định trong cả 02 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Luật BVMT dẫn đến sự chồng chéo nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn;	Cần xem xét 02 giải pháp: (1) quy định lại cụ thể, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tham mưu công tác bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường biển và hải đảo theo hướng giống nhau, chỉ phân biệt khác nhau về không gian quản lý; (2) hợp nhất các cơ quan tham mưu công tác bảo vệ môi trường và bảo vệ môi trường biển và hải đảo thành một cơ quan duy nhất, tránh sự chồng chéo nhiệm vụ như hiện tại.	UBND tỉnh đã có Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 01/6/2024 về tổng kết thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2025 gửi Bộ TNMT.
10.	- Luật Quy hoạch đô thị, - Luật Xây dựng, - Luật BVMT, - Các Thông tư hướng dẫn có liên quan về quy hoạch.	- Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan, quy định đánh giá môi trường chiến lược là một phần nội dung bắt buộc trong bước lập đồ án quy hoạch. Theo Thông tư số 01/2019/TT-BXD ngày 28/6/2019 về việc bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành; theo đó, Bộ Xây dựng công bố bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 01/2011/TT-BXD hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng. Tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD, yêu cầu nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng phải đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường, không yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược. Tuy nhiên, theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, chi phí lập đồ án quy hoạch vẫn còn quy định bao gồm chi phí ĐMC nên gây khó khăn trong việc xác định chi phí lập quy hoạch khi không thực hiện đánh giá môi trường chiến lược trong bước lập quy hoạch (không có cơ sở để xác định). - Ngoài ra, Luật BVMT quy định đối tượng phải thực hiện đánh giá		

TT	VĂN BẢN	NỘI DUNG VIƯỞNG MẠC, BẤT CẬP	KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	GHI CHÚ
		môi trường chiến lược bao gồm: “Chiến lược khai thác và sử dụng tài nguyên cấp quốc gia; Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch không gian biên 2 quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường thuộc danh mục do Chính phủ quy định; Việc điều chỉnh mục tiêu của quy hoạch quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Luật BVMT”. Đồng thời, quy định “Cơ quan chủ trì thẩm định quy hoạch có trách nhiệm thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình thẩm định quy hoạch. Kết quả đánh giá môi trường chiến lược là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt chiến lược, quy hoạch”. Do đó, việc thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối với các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng hiện nay chưa có sự thống nhất, rõ ràng giữa quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật BVMT và các Thông tư hướng dẫn có liên quan về quy hoạch, dẫn đến gây khó khăn trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tại địa phương.		
11.		Đối với các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng hiện nay chưa có sự thống nhất, rõ ràng giữa quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng, Luật BVMT và các Thông tư hướng dẫn có liên quan về quy hoạch, dẫn đến gây khó khăn trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tại địa phương.		

Phụ lục III
TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ CHO HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn Kinh phí	Giai đoạn 2016-2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Tổng cộng giai đoạn 2022-2024	
		Đề xuất nhu cầu	Dự toán giao	Đề xuất nhu cầu	Dự toán giao	Đề xuất nhu cầu	Dự toán giao	Đề xuất nhu cầu	Dự toán giao	Đề xuất nhu cầu	Dự toán giao
A	NSNN chi cho hoạt động BVMT	37.525.925	37.525.925	145.060	155.113	275.134	272.287	267.177	266.880	687.371	694.279
I	Nguồn chi thường xuyên	37.525.925	37.525.925	111.795	121.847	160.570	157.723	174.861	174.565	447.226	454.135
1	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	223.837	223.837	103.913	113.965	160.386	157.539	174.750	174.454	439.049	445.958
2	Chi từ các nguồn thường xuyên khác cho BVMT			7.882	7.882	184	184	111	111	8.177	8.177
II	Chi đầu tư phát triển cho BVMT			33.265	33.265	114.564	114.564	92.316	92.316	240.145	240.145
B	Chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị			24.711	23.369	26.041	24.287	27.330	26.481	78.083	74.137
C	Chi từ nguồn xã hội hóa			0	0	0	0	0	400	0	400
D	Nguồn chi quản lý hành chính			319	319	215	242	288	273	822	834
E	Nguồn vay ODA	307.799	307.799	160.303	160.303	126.403	126.403	28.785	28.785	315.491	315.491
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)	37.833.724	37.833.724	330.394	339.104	427.793	423.218	323.580	322.819	1.081.766	1.085.141

[illegible]

1.7	Bao tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	870,00	870,00	810,00	810,00	0,00	0,00	1.680,00	1.680,00
1.8	Tuyên truyền phổ biến, giáo dục các quy định về pháp luật BVMT; nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường	2.889,05	2.904,25	3.319,38	3.268,23	6.925,60	6.862,15	13.134,03	13.034,62
1.9	Quan trắc, cảnh báo	3.466,00	11.947,26	5.190,00	2.114,70	2.580,00	2.283,52	11.236,00	16.345,48
1.10	Thanh tra, Kiểm tra việc chấp hành các quy định về BVMT	723,18	545,98	698,14	683,74	767,80	822,67	2.189,12	2.052,39
1.11	Các nhiệm vụ khác	3.134,00	3.072,00	2.243,00	1.914,40	5.075,82	4.996,86	10.452,81	9.983,25
2	<i>Chi từ các nguồn thường xuyên khác cho BVMT</i>	<i>7.882,12</i>	<i>7.882,12</i>	<i>184,11</i>	<i>184,11</i>	<i>111,00</i>	<i>111,00</i>	<i>8.177,24</i>	<i>8.177,24</i>
2.1	Xử lý CTR y tế nguy hại (bao gồm chất thải COVID-19)	7.785,12	7.785,12	46,11	46,11	0,00	0,00	7.831,24	7.831,24
2.2	Tuyên truyền về tài nguyên nước và khí tượng thủy văn	97,00	97,00	138,00	138,00	111,00	111,00	346,00	346,00
II	Nguồn chi đầu tư phát triển cho BVMT	33.265,19	33.265,19	114.563,55	114.563,55	92.315,87	92.315,87	240.144,61	240.144,61
B	Chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị	24.711,38	23.369,46	26.041,41	24.286,56	27.330,06	26.480,71	78.082,85	74.136,73
C	Chi từ nguồn xã hội hóa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	400,00	0,00	400,00
D	Nguồn chi quản lý hành chính	319,00	319,00	214,50	241,50	288,00	273,00	821,50	833,50
E	Nguồn vay ODA	160.303,00	160.303,00	126.403,00	126.403,00	28.784,86	28.784,86	315.490,86	315.490,86
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)	330.393,52	339.104,01	427.792,74	423.217,57	323.579,97	322.819,01	1.081.766,23	1.085.140,59

PHỤ LỤC V

**DANH SÁCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	KCN	Tên Chủ đầu tư hạ tầng	Năm đi vào hoạt động	Vị trí			Hiện trạng xây dựng và hoạt động của HTXLNT	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải	Tổng công suất thiết kế (m ³ /ngày)	Công suất thực tế (m ³ /ngày)	Chất lượng nước thải sau xử lý (cột A/B)	Số hiệu GPMT/GPMT thành phần và thời gian cấp gần nhất	Hiện trạng truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (Đã/Chưa truyền)	Nguồn thông tin tổng hợp
				KCN nằm ngoài KKT	KCN nằm trong KKT ven biển	KCN nằm trong KKT cửa khẩu								
1.	KCN Phú Tài	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Định	2004	x			Đang hoạt động	Đã hoàn thành	2.000	385 -800	Cột A QCVN 40:2011/BTN MT	327/GPMT-BTNMT ngày 08/9/2023	Đã truyền	
2.	KCN Long Mỹ		2006	x			Sử dụng chung	Đã hoàn thành				-		
3.	KCN Nhơn Hòa	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng KCN Nhơn Hòa	2012	x			Đang hoạt động	Đã hoàn thành	2.000	415	Cột B QCVN 40:2011/BTN MT	67/GPMT-BTNMT ngày 23/01/2025	Đã truyền	
4.	KCN Hòa Hội	Công ty CP Tổng công ty	2025	x			Đã xây dựng chưa đưa vào hoạt động	Đã hoàn thành	1.200	-	Cột A QCVN 40:2011/BTN MT		Chưa lắp đặt	

		Đầu tư phát triển KCN Phúc Lộc											
5.	KCN Nhơn Hội (khu A)	Công ty CP KCN Sài Gòn Nhơn Hội	2007		x		Tất cả nước thải của các KCN Nhơn Hội (Khu A và Khu B) đều tập trung về Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Hội do Ban Quản lý KKT đầu tư, hiện đang giao cho Ban Quản lý Dự án và GPMB KKT (Đơn vị trực thuộc của Ban Quản lý KKT) quản lý, vận hành.	Đã hoàn thành					
6.	KCN Nhơn Hội (khu B)	Công ty TNHH Hong Yeung Việt Nam	2008		x			Đã hoàn thành	2.000	882	Cột B QCVN 40:2011/BTN MT		Dự kiến truyền trong tháng 02/2025
7.	KCN Becamex Bình Định	Công ty CP Becamex Bình Định	2024		x		Đang hoạt động	Đã hoàn thành	4.000	-	Cột A QCVN 40:2011/BTN MT	107/GPMT -BTNMT ngày 02/4/2024	Đã lắp đặt, đang vận hành thử nghiệm

PHỤ LỤC VI
DANH SÁCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2022 – 2024
(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	KCN	Tên Chủ đầu tư hạ tầng	Năm đi vào hoạt động	Vị trí			Hiện trạng xây dựng và hoạt động của HTXLNT	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải	Tổng công suất thiết kế (m ³ /ngày)	Công suất thực tế (m ³ /ngày)	Chất lượng nước thải sau xử lý (cột A/B)	Số hiệu GPMT/GPM T thành phần và thời gian cấp gần nhất	Hiện trạng truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (Đã/Chưa truyền)	Nguồn thông tin tổng hợp
				KCN nằm ngoài KKT	KCN nằm trong KKT ven biển	KCN nằm trong KKT cửa khẩu								
1.	KCN Hòa Hội	Công ty CP Tổng công ty Đầu tư phát triển KCN Phúc Lộc	2025	x			Đã xây dựng chưa đưa vào hoạt động	Đã hoàn thành	1.200	-	Cột A QCVN 40:2011/BTN MT		Chưa lắp đặt	
2.	KCN Becamex Bình Định	Công ty CP Becamex Bình Định	2024		x		Đang hoạt động	Đã hoàn thành	4.000	-	Cột A QCVN 40:2011/BTN MT	107/GPMT-BTNMT ngày 02/4/2024	Đã lắp đặt, đang vận hành thử nghiệm	

**DANH SÁCH CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
CHƯA ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

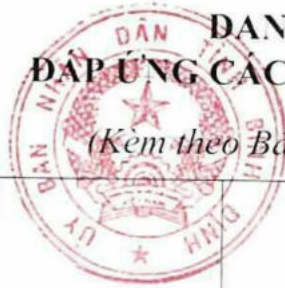
PHỤ LỤC VIII
DANH SÁCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2024

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên, địa điểm CCN	Diện tích CCN	Tên Chủ đầu tư hạ tầng CCN	Năm CCN đi vào hoạt động	Hiện trạng xây dựng và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (Đang hoạt động/Đã xây dựng, chưa đưa vào hoạt động/Đang xây dựng/Chưa xây dựng/Sử dụng chung)	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải	Tổng công suất thiết kế (m ³ /ngày) (ghi rõ tổng công suất đã được xác nhận, ghi nhận trong GPMT hoặc các GPMT thành phần)	Công suất thực tế (m ³ /ngày) (Ghi rõ công suất xử lý thực tế trung bình/ngày trong năm gần nhất)	Chất lượng nước thải sau xử lý (cột A/B)	Số hiệu Giấy phép môi trường/Giấy phép môi trường thành phần và thời gian cấp gần nhất	Hiện trạng truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (Đã truyền/Đang hoàn thiện/Chưa truyền)
1.	CCN Phước An	49,5	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước	2013	Đang hoạt động	Có	200	Tạm dừng vận hành	B	Chưa có	Chưa đầu tư
2.	CCN Thanh Liêm	4,6	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã An Nhơn	2014	Đang hoạt động	Có	50	Tạm dừng vận hành	B	Chưa có	Chưa đầu tư

3.	CCN Gò Mít	13,40	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Cát	2002	Đang hoạt động	Có	60	50	B	Đang thẩm định cấp GPMT	Chưa đầu tư
4.	CCN Cát Nhơn	75	Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP	2010	Đang hoạt động	Có	200	13	B	Đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường	Chưa đầu tư
5.	CCN Cát Trinh	16,80	Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP	2015	Đang hoạt động	Có	500	280	A	Đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường	Chưa đầu tư
6.	CCN Phú An	38,03	BQL DAĐT&PTQĐ huyện Tây Sơn	2014	Đang hoạt động	Có	100	Tạm dừng vận hành	A	Chưa có	Chưa đầu tư

PHỤ LỤC IX
DANH SÁCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2022 – 2024
(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)



TT	Tên, địa điểm CCN	Diện tích CCN	Tên Chủ đầu tư hạ tầng CCN	Năm CCN đi vào hoạt động	Hiện trạng xây dựng và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (Đang hoạt động/Đã xây dựng, chưa đưa vào hoạt động/Đang xây dựng/Chưa xây dựng/Sử dụng chung)	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải	Tổng công suất thiết kế (m ³ /ngày) (ghi rõ tổng công suất đã được xác nhận, ghi nhận trong GPMT hoặc các GPMT thành phần)	Công suất thực tế (m ³ /ngày) (Ghi rõ công suất xử lý thực tế trung bình/ngày trong năm gần nhất)	Chất lượng nước thải sau xử lý (cột A/B)	Số hiệu Giấy phép môi trường/Giấy phép môi trường thành phần và thời gian cấp gần nhất	Hiện trạng truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (Đã truyền/Đang hoàn thiện/Chưa truyền)
1.	CCN Gò Mít	13,40	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phù Cát	2002	Đang hoạt động	Có	60	50	B	Đang thẩm định cấp GPMT	Chưa đầu tư
2.	CCN Cát Trinh	16,80	Tổng công ty PISICO Bình Định - CTCP	2015	Đang hoạt động	Có	500	280	A	Đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường	Chưa đầu tư

DANH SÁCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CHƯA ĐẢM BẢO VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

[illegible]

[illegible]

10	CCN Bình Dương	75.0	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phú Mỹ	2014	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	-	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
11	CCN Diêm Tiêu	38.2	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phú Mỹ	2016	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	-	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
12	CCN Đại Thạnh	63.8	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Phú Mỹ	2016	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	-	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
V	THỊ XÃ HOÀI NHƠN										
13	CCN Bồng Sơn	30.5	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	2012	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
14	CCN Tam Quan	16.34	Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP	2015	Chưa xây dựng	Có	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
15	CCN Hoài Tân	74.5	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	2014	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư

16	CCN Hoài Hào	16.75	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	2018	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
17	CCN Tường Sơn	19.9	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	2012	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
18	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	12	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	2018	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
VI	HUYỆN HOÀI ÂN										
19	CCN Dốc Truong Sỏi	45707	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	2011	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
20	CCN Gò Bông	10	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hoài Ân	2014	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
VII	HUYỆN AN LÃO										
21	CCN Gò Búi	11.7	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện An Lão	2010	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư			Chưa có	Chưa đầu tư

22	CCN Gò Cây Duối	14.14	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện An Lão	2008	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư			Chưa có	Chưa đầu tư
VII I	HUYỆN TÂY SƠN										
23	CCN Cầu Nước Xanh	38.78	Công ty CP CCNCầu Nước Xanh	2016	Chỉ đầu tư một số hạng mục, chưa hoàn thiện	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
24	CCN Hóc Bơm	37.8	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2015	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
25	CCN Bình Nghi	23.69	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2013	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
	CCN Bình Nghi mở rộng	50	Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Kamado	2023	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
26	CCN Tây Xuân	52.14	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2015	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư

27	CCN Cầu 16	38	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2012	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
28	CCN Gò Cây (phần hiện trạng)	30	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2015	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
	CCN Gò Cây mở rộng	45	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	2023	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
29	CCN Rẫy Ông Thơ	21.05	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tây Sơn	2016	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
30	CCN Bình Tân	30	Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển kho bãi Nhơn Tân	2015	Chưa xây dựng	Chưa xây dựng	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư
IX	HUYỆN VINH THẠNH										
31	CCN Tà Súc (Giai đoạn 1)	19.7	Công ty Cổ phần XL Điện T.Phước	2017	Chưa xây dựng	Có đầu tư nhưng chưa hoàn thiện	Chưa đầu tư	-	-	Chưa có	Chưa đầu tư

Phụ lục XI

CÁC CƠ SỞ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số 36 /BC-UBND ngày 14/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
I	Luyện kim, tinh chế, chế biến khoáng sản độc hại, phá dỡ tàu biển					
1	Nhà máy ống thép Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định của Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	KKT Nhơn Hội thuộc xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn	- Mạ kẽm/hộp kim nhôm kẽm: 430.000 tấn/năm - Mạ màu: 195.000 tấn/năm - Xẻ băng: 100.000 tấn/năm - Tái sinh axit: 5.000 lít axit/h - Tẩy rỉ: 800.000 tấn/năm - Cán nguội: 350.000 tấn/năm		2.000 m ³ /ngày.đêm	
II	Nhuộm (vải, sợi), giặt mài					
2	Nhà máy dệt - nhuộm - May Delta Galil Việt Nam của Công ty TNHH Delta Galil VN	CCN Cát Trinh, xã Cát Trinh, huyện Phù Cát	37.800.000 m ² vải/năm		350 m ³ /ngày.đêm	

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
3	Nhà máy WASH Tam Quan của Công ty Cổ phần Công nghệ PPJ HNC	Khu C, Cụm công nghiệp Tam Quan, thị trấn Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	4,5 triệu sản phẩm/năm		400 m ³ /ngày.đêm	
III	Xử lý, tái chế chất thải, sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu					
4	Bãi chôn lấp huyện Phù Mỹ của Ban Quản lý dự án huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	40,96 tấn/ngày			
5	Bãi xử lý chất thải rắn huyện Phù Cát của UBND huyện Phù Cát	Thôn Tùng Chánh, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	42,12 tấn/ngày		30 m ³ /ngày.đêm	
6	Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Tây Sơn của UBND huyện Tây Sơn	thôn Phú An, xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn	42 tấn/ngày			
7	Bãi chôn lấp chất thải rắn thị xã Hoài Nhơn	Khu phố Thiết Đỉnh Nam, thị trấn Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn	72,33 tấn/ngày		25 m ³ /ngày.đêm	
8	Bãi xử lý rác tạm thời tại xã Canh Hiệp của UBND huyện Vân Canh	Xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	7,1 tấn/ngày			Hoạt động trong tháng 3/2022

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
9	Nhà máy xử lý và chế biến rác thải sinh hoạt của Công ty TNHH Chế biến rác thải Duy Anh	xã Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn	20 tấn/ngày			Ngừng hoạt động
10	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án VSMT TP. Quy Nhơn - hợp phần 3 tại thành phố Quy Nhơn của Công ty Cổ phần môi trường Bình Định (Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ)	Xã Phước Mỹ, TP Quy Nhơn	340 tấn/ngày			
11	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố Duyên Hải - Tiểu dự án VSMT TP. Quy Nhơn - hợp phần 1,2 và 5 (giai đoạn 2) của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Bình Định	TP Quy Nhơn			Hệ thống xử lý nước thải 2A: 2350 ngày.đêm Hệ thống xử lý nước thải Nhơn Bình: 14.000 m ³ ngày.đêm	Hệ thống xử lý nước thải 2A đã đầu tư trạm quan trắc tự động nước thải
12	Khu xử lý CTR Khu kinh tế Nhơn Hội của Ban Quản lý Khu kinh tế	Xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát (giai đoạn 1)	220 tấn/ngày			Chưa hoạt động

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
13	Bãi chôn lấp chất thải bột đá, diện tích 2,18447 ha của Công ty CP Môi trường Bình Định	Xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	102,33 tấn/ngày			
14	Dự án Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh	xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát	6.697.000 kg/năm 250.000 kg/năm			
15	Cơ sở đúc kim loại của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Ngọc	CCN Gò Đá Trắng, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	270 tấn/năm	Tháp hấp phụ		
16	Xưởng tái chế nhôm của Doanh nghiệp tư nhân Toàn Thắng	CCN Gò Đá Trắng, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	800 tấn/năm	Tháp hấp phụ		
IV	Tái chế					
17	Nhà máy sản xuất, tái chế các loại sản phẩm hạt nhựa của Công ty TNHH SX TM & DV Giang Đạt Thành	CCN Cầu 16, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn	30.000 tấn/năm			Chưa hoạt động
V	Chế biến tinh bột sắn, bột ngọt, bia, rượu cồn công nghiệp					

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
18	Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vân Canh của Công ty TNHH MTV Nguyên Liêm	tại làng Hòn Mê, xã Canh Thuận, huyện Vân Canh	250 tấn tinh bột/ngày		3.500 m3/ngày.đêm	Đang đầu tư hệ thống quan trắc tự động
19	Nhà máy tinh bột sắn Nhiệt đồng tâm Vĩnh Thạnh của Công ty TNHH TBS Nhiệt Đồng tâm Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	250 tấn bột thành phẩm/ngày		3000 m3/ngày.đêm	Đã đầu tư hệ thống quan trắc tự động
20	Nhà máy chế biến tinh bột sắn của Công ty CP Chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định	xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ	120 tấn sản phẩm/ngày		1.350 m3/ngày.đêm	Dừng hoạt động
21	Nhà máy chế biến tinh bột biến tính của Công ty TNHH MTV Chế biến nông sản Lucky Star	Xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	55.000 tấn/năm và sản xuất sắn lát 100.000 tấn/năm			
22	Nhà máy gia công chất bột biến tính sắn Minh Dương – Bình Định của Công ty TNHH Sinh hóa Minh Dương Việt Nam	Lô L3, KCN (Khu B), KKT Nhơn Hội	- Tinh bột ion dương thay thế cao: 15.000 tấn/năm; - Tinh bột biến tính lưỡng tính: 25.000 tấn/năm; - Tinh bột phức hợp dạng hồ: 60.000 tấn/năm			

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
23	Nhà máy Chung cất sản xuất rượu Bầu đá chất lượng cao của Công TNHH Tấn Phát	Phường Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn				
24	Nhà máy bia Sài Gòn - Quy Nhơn của CN Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Trung tại Quy Nhơn	Lô B5, B11, B12, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn	100 triệu lít/năm			
VI	Chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm					
24	Khu chế biến thủy sản tập trung Tam Quan Bắc của Ban quản lý CCN thị xã Hoài Nhơn	Thôn Thiện Chánh 1, xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn			100 m ³ /ngày.đêm	
25	Nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và chế biến thực phẩm đông lạnh Nhơn Bình của Công ty TNHH Sản xuất chế biến thực phẩm Quy Nhơn	Khu vực 3, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1000 heo thịt, 1000 heo sữa, 30 trâu bò, 1000 tấn thịt đông lạnh/ngày		200 m ³ /ngày.đêm	
26	Nhà máy giết mổ động vật tập trung của Công ty TNHH Thực phẩm sạch Bình Định	Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	400 heo/ngày, 35 bò/ngày		110 m ³ /ngày.đêm	

TT	Tên cơ sở/ Dự án	Địa chỉ cơ sở/Dự án	Loại hình sản xuất/quy mô công suất	Thông tin HTXLKT	Thông tin HTXLNT	Ghi chú
27	Nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản kết hợp khu du lịch văn hóa Nhật Bản (giai đoạn 1)	Khu kinh tế Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn	2.000 tấn sản phẩm/năm		400 m ³ /ngày.đêm	
VIII	Sản xuất phân bón					
28	Nhà máy sản xuất phân bón NPK của Công ty CP Vật tư KTTN Bình Định	Lô BI-1, BI-2 và một phần BI-3, KCN Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn	100.000 tấn sản phẩm/năm		3 m ³ /ngày.đêm	Đầu nối nước thải về HTXLNT tập trung KCN

PHỤ LỤC XII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2024)

(Kèm theo Báo cáo số **36** /BC-UBND ngày **14/3/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	Tỉnh	Số cuộc thanh tra/kiểm tra	Số cơ sở thanh tra/kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Số tiền phạt (đồng)	Số vụ việc vi phạm chuyển Cơ quan điều tra
2016	Bình Định	240	240	31	733.500.00	không
2017		218	218	16	621.800.000	không
2018		116	116	12	209.500.000	không
2019		167	167	46	915.250.000	không
2020		165	165	30	1.586.750.000	không
2021		88	88	16	1.317.500.000	không
2022		156	156	45	2.325.300.000	không
2023		151	151	14	393.619.939	không
2024		116	116	9	1.776.500.000	không

PHỤ LỤC XIII
CÁC CƠ SỞ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CAO
CẦN TIẾP TỤC XỬ LÝ TRONG THỜI GIAN TỚI

(Kèm theo Báo cáo số **36** /BC-UBND ngày **14/3/2025** của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

STT	TÊN CƠ SỞ CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CAO	VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG XỬ LÝ
1	Không có	
2		
3		
4		
5		
...		



PHỤ LỤC XIV

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

(Kèm theo Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Địa phương/Tên nghề		Kết quả bảo vệ môi trường làng nghề					Số cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển/tổng số lượng cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề	Các vấn đề môi trường chính	
			Phương án bảo vệ môi trường (có/ không)	Tổ chức tự quản (có/ không)	Hạ tầng bảo vệ môi trường					Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
					Hệ thống thu gom nước mưa	Hệ thống thu gom nước thải và xử lý nước thải tập trung	Điểm tập kết chất thải rắn/khu xử lý chất thải rắn/phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	THỊ XÃ AN NHƠN		15	15				22	0	
1	Làng nghề truyền thống Rượu Bàu Đá Nhơn Lộc	Thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
2	Làng nghề bánh tráng Trường Cửu	Thôn Trường Cửu, xã Nhơn Lộc, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
3	Làng nghề Bún tươi Ngải Chánh	Thôn Ngải Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Có	Có	22		
4	Làng nghề Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu	Thôn Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
5	Làng nghề gốm Vân Sơn	Thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			

		xã An Nhơn								
6	Làng nghề Bùn - bánh An Thái	Thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
7	Làng nghề Nón Lá Đại An	Thôn Đại An, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
8	Làng nghề nón lá Thuận Đức	Thôn Thuận Đức, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
9	Làng nghề nón lá Nghĩa Hòa	Thôn Nghĩa Hòa, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
10	Làng nghề Nón lá Gò Găng	Thôn Tiên Hội, Phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	Không ¹	Không	Không	Không	Có			
11	LNTT Rèn Tây Phương Danh	Thôn Tây Phương Danh, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
12	Làng nghề trồng mai cảnh Hảo Đức	Thôn Hảo Đức, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
13	Làng nghề trồng mai cảnh Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
14	Làng nghề trồng mai cảnh Thuận Thái	Thôn Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
15	Làng nghề trồng mai cảnh Tân Dương	Thôn Tân Dương, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
16	Làng nghề trồng mai cảnh Trung Định	Thôn Trung Định, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
II	HUYỆN TUY PHƯỚC		1	1				0	0	
1	Làng nghề trồng hoa Bình Lâm	Thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước	Có	Có	Có	Không	Có			

¹Đang xây dựng phương án bảo vệ môi trường.

III	HUYỆN PHÙ CÁT		7	7				0	0	
1	Làng nghề Bánh bún An Phong	Khu An Phong, thị trấn Ngõ Mây, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
2	Làng nghề nước mắm Đê Gi	Thôn An Quang Đông, An Quang Tây, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
3	Làng nghề Bánh tráng Phú Gia	Thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
4	Làng nghề Nón ngựa Phú Gia	Thôn Phú Gia, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
5	Làng nghề Nhang Xuân Quang	Thôn Xuân Quang, xã Cát Tường, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
6	Làng nghề Đan đất Trung Chánh	Thôn Trung Chánh, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
7	Làng nghề Đan đất Phú Hiệp	Thôn Phú Hiệp, xã Cát Tài, huyện Phù Cát	Có	Có	Có	Không	Có			
IV	THỊ XÃ HOÀI NHƠN		4	4				0	0	
1	Làng nghề truyền thống sản xuất bánh tráng, bún số 8 Tầng Long 1	Khu phố Tầng Long 1, phường Tam Quan Nam, Thị xã Hoài Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
2	Làng nghề truyền thống chiếu cói Chương Hòa	Thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc, Thị xã Hoài Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
3	Làng nghề dệt chiếu cói Công Thạnh	Khu phố Công Thạnh, phường Tam Quan Bắc, Thị xã Hoài Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
4	Làng nghề trồng hoa Gia An Nam	Thôn Gia An Nam, xã Hoài Châu Bắc, Thị xã Hoài Nhơn	Có	Có	Có	Không	Có			
V	HUYỆN PHÙ MỸ		0	0				0	0	
1	Làng nghề Bánh tráng mì chả	Thôn Mỹ Hội 1, 2, 3, xã Mỹ Tài,	Không	Không	Không	Không	Có			

	Mỹ Hội I	huyện Phú Mỹ									
2	Làng nghề Bánh trắng Mỹ Phong	Thôn Vĩnh Bình, Vân Tường, xã Mỹ Phong, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
3	Làng nghề bánh trắng xã Mỹ Quang	Thôn Bình Trị, xã Mỹ Quang, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
4	Làng nghề chế biến hải sản xã Mỹ Thọ	Xã Mỹ Thọ, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
5	Làng nghề bún gạo tươi Tường An	Thôn Tường An, xã Mỹ Quang, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
6	Làng nghề đan tre Mỹ Tài	Thôn Vĩnh Lý, Vĩnh Nhơn, xã Mỹ Tài, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
7	Làng nghề sản xuất các sản phẩm từ cùi Mỹ Thắng	Thôn 10, 11 xã Mỹ Thắng, huyện Phú Mỹ	Không	Không	Không	Không	Có				
VI	HUYỆN TÂY SƠN		1	1				0	0		
1	Làng nghề nón lá Thuận Hạnh	Thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	Có	Có	Có	Không	Có				
VII	HUYỆN VINH THẠNH		0	0				0	0		
1	Làng nghề sản xuất Rượu Vinh Cừu	Thôn Vinh Cừu, xã Vinh Hiệp, huyện Vinh Thạnh	Không	Không	Không	Không	Có				
VIII	HUYỆN HOÀI AN		0	0				0	0		
1	Làng nghề trồng dâu nuôi tằm	Xã Ân Hảo Đông, Ân Hảo Tây, Ân Mỹ, huyện Hoài Ân	Không	Không	Không	Không	Có				